

TỔNG CÔNG TY
ĐIÊN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Số 132 /CBTT-HHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 16 tháng 3 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tên công ty : Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Trụ sở chính : Tầng 9 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung,
phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại : 02383.588.766

Fax : 02383.588.767

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Xuân Sơn

Chức vụ : Phó Giám đốc

Địa chỉ : Khối 6, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại : 0983 552 266

Loại thông tin công bố: 24h; 72h; Yêu cầu; Bất thường; Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Thông báo mời họp và Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

Toàn bộ nội dung Thông báo mời họp và Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ: <http://huana.com.vn> mục Quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Tài liệu gửi kèm:

- Thông báo mời họp.
- Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

Người thực hiện công bố thông tin

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Sơn

Số: 131/TB-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 16 tháng 3 năm 2022

**THÔNG BÁO MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na trân trọng thông báo và kính mời Quý Cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, cụ thể như sau:

- Thời gian:** 08h00' thứ 6, ngày 08 tháng 4 năm 2022 (tiếp đón từ 7h15')
- Địa điểm:** Phòng họp Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na, Tầng 9 tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Đối tượng tham dự:** Tất cả các Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty chốt ngày 11/3/2022 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.
- Nội dung đại hội:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 sẽ xem xét thông qua các nội dung sau:
 - Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022;
 - Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022;
 - Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021, kế hoạch hoạt động năm 2022;
 - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021;
 - Tờ trình về Kế hoạch tài chính năm 2022;
 - Tờ trình về mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và Kế hoạch năm 2022;
 - Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2021;
 - Tờ trình lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.
- Tài liệu liên quan đến Đại hội:** Các tài liệu liên quan đến Đại hội, mẫu Giấy đăng ký tham dự, Giấy ủy quyền tham dự, ... được đăng tải trên Website của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na theo địa chỉ: <http://huana.com.vn> tại mục Quan hệ cổ đông.



6. Đăng ký tham dự đại hội:

- Để thuận lợi cho công tác tổ chức, kính đề nghị quý cổ đông gửi Giấy đăng ký tham dự họp Đại hội bằng hình thức gửi thư hoặc fax hoặc gửi thư điện tử trước ngày 06/4/2022 theo địa chỉ:

Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na, Tầng 9 tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07 đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 02383.588.766;

Fax: 02383.588.767

Thư điện tử: vanthuhc@gmail.com

- Cổ đông khi đến tham dự Đại hội xin vui lòng mang theo Chứng minh thư nhân dân/Căn cước công dân, Thông báo mời họp và Giấy ủy quyền có đầy đủ chữ ký hợp lệ của người ủy quyền (trường hợp nhận ủy quyền).

Rất mong sự hiện diện đầy đủ của Quý cổ đông để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty thành công tốt đẹp./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS Công ty;
- Ban điều hành Công ty;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Thành



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA
Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí, số 07, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
ĐT: 02383.588 766; Fax: 02383.588 767

GIẤY ỦY QUYỀN THAM DỰ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

1. Bên ủy quyền:

- Tên cổ đông:.....
- Số CCCD/GPĐKKD:.....cấp ngày.....tại.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:....., Số fax:.....
- Đang sở hữu..... Cổ phần của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na theo danh sách chốt ngày 11/3/2022.

2. Bên nhận ủy quyền:

- Họ và tên:.....
- Số CCCD/Passport.....cấp ngày.....tại.....
- Địa chỉ:.....

Hoặc ủy quyền cho một trong các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na có tên dưới đây (đánh dấu “✓” để chọn):

- Ông Hoàng Xuân Thành - Chủ tịch HĐQT
- Ông Trịnh Bảo Ngọc - Ủy viên HĐQT, Giám đốc
- Ông Nguyễn Xuân Sơn - Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc

- Số cổ phần được ủy quyền:cổ phần.

3. Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na tổ chức vào ngày 08/4/2022 và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực từ ngày ký và hết hiệu lực khi Đại hội cổ đông thường niên 2022 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na kết thúc.

....., ngày ... tháng năm 2022

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí, số 07, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
ĐT: 02383.588 766; Fax: 02383.588 767

GIẤY ĐĂNG KÝ THAM DỰ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Tên cổ đông:.....

Số CCCD:....., ngày cấp....., nơi cấp.....

Số ĐKKD (đối với tổ chức):....., ngày cấp.....

Địa chỉ:.....
.....

Số điện thoại:....., Số fax:.....

Hiện đang sở hữu (tính đến ngày 11/3/2022) Cổ phần của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

Bằng văn bản này, tôi đăng ký tham dự họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na được tổ chức vào ngày 08/4/2022 tại Phòng họp Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na, tầng 9 tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07 Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Tôi cam kết sẽ chấp hành đúng các quy định của Đại hội./.

....., ngày tháng năm 2022

CỔ ĐÔNG
(Ký tên/đóng dấu)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí, số 07, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
ĐT: 02383.588 766; Fax: 02383.588 767

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Thời gian: Thứ 6, ngày 08 tháng 4 năm 2022

Địa điểm: Phòng họp Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na, tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

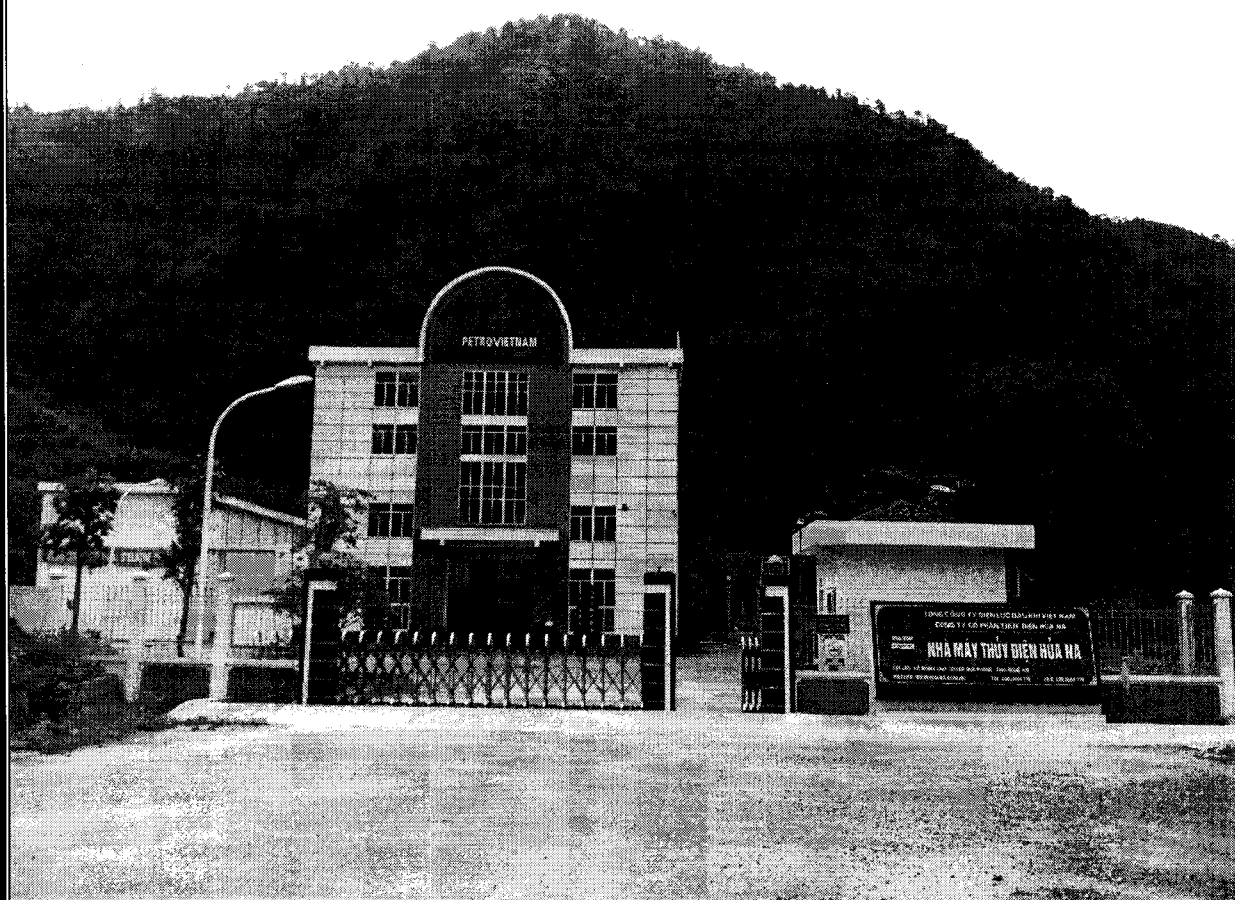
Thời gian	Nội dung chương trình	Thực hiện
07h15~08h00	- Tiếp đón và kiểm tra tư cách cổ đông	Ban Tổ chức
08h00~08h15	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông	Trưởng BKS
	- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, khách mời	Ban Tổ chức
08h15~08h30	- Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu	Ban Tổ chức
	- Thông qua nội dung chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức Đại hội và Thể lệ biểu quyết	Đoàn chủ tịch
08h30~10h00	- Thông qua các Báo cáo, Tờ trình	
	✓ Báo cáo của HĐQT về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022	Đoàn chủ tịch
	✓ Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022	
	✓ Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2021, kế hoạch hoạt động năm 2022	Trưởng BKS
	✓ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021	Đoàn chủ tịch
	✓ Tờ trình Thông qua kế hoạch tài chính năm 2022	
✓ Tờ trình Thông qua mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2021, kế hoạch năm 2022		
✓ Tờ trình Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021		
✓ Tờ trình Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022	Trưởng BKS	
10h00~10h30	- Thảo luận các vấn đề trình bày tại Đại hội; Đoàn chủ tịch giải đáp các ý kiến của Cổ đông	
10h30~10h40	- Biểu quyết thông qua các nội dung của đại hội (bảng phiếu biểu quyết)	Đoàn chủ tịch, Ban kiểm phiếu
10h40~10h50	- Phát biểu của Lãnh đạo Cổ đông chi phối Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	
10h50~11h10	- Nghỉ giải lao và kiểm phiếu	Ban kiểm phiếu
11h10~11h20	- Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết	Ban kiểm phiếu
11h20~11h30	- Thông qua Biên bản và Bế mạc Đại hội	Ban thư ký, Đoàn chủ tịch



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỬA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí, số 07, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
ĐT: 02383.588 766; Fax: 02383.588 767

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022



Nghệ An, tháng 4 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí, số 07, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
ĐT: 02383.588 766; Fax: 02383.588 767

DANH MỤC TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Thời gian: Thứ 6, ngày 08 tháng 4 năm 2022

Địa điểm: Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na, tầng 9, tòa nhà Dầu khí
Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

STT	Tên tài liệu	Ghi chú
1	Chương trình Đại hội	
2	Quy chế Tổ chức đại hội; Thể lệ biểu quyết.	
3	Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022	
4	Báo cáo của Ban giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022	
5	Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2021, kế hoạch hoạt động năm 2022	
6	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021	
7	Tờ trình về việc thông qua kế hoạch tài chính năm 2022	
8	Tờ trình về việc thông qua mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và Kế hoạch năm 2022	
9	Tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021	
10	Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022	
11	Phiếu biểu quyết	
12	Dự thảo Nghị quyết	



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí, số 07, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
ĐT: 02383.588 766; Fax: 02383.588 767

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Thời gian: Thứ 6, ngày 08 tháng 4 năm 2022

Địa điểm: Phòng họp Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na, tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Thời gian	Nội dung chương trình	Thực hiện
07h15~08h00	- Tiếp đón và kiểm tra tư cách cổ đông	Ban Tổ chức
08h00~08h15	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông	Trưởng BKS
	- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, khách mời	Ban Tổ chức
	- Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu	Ban Tổ chức
08h15~08h30	- Thông qua nội dung chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức Đại hội và Thể lệ biểu quyết	Đoàn chủ tịch
08h30~10h00	- Thông qua các Báo cáo, Tờ trình	
	✓ Báo cáo của HĐQT về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022	Đoàn chủ tịch
	✓ Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022	
	✓ Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2021, kế hoạch hoạt động năm 2022	Trưởng BKS
	✓ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021	
	✓ Tờ trình Thông qua kế hoạch tài chính năm 2022	Đoàn chủ tịch
	✓ Tờ trình Thông qua mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2021, kế hoạch năm 2022	
✓ Tờ trình Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021		
✓ Tờ trình Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022	Trưởng BKS	
10h00~10h30	- Thảo luận các vấn đề trình bày tại Đại hội; Đoàn chủ tịch giải đáp các ý kiến của Cổ đông	
10h30~10h40	- Biểu quyết thông qua các nội dung của đại hội (bằng phiếu biểu quyết)	Đoàn chủ tịch, Ban kiểm phiếu
10h40~10h50	- Phát biểu của Lãnh đạo Cổ đông chi phối Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	
10h50~11h10	- Nghỉ giải lao và kiểm phiếu	Ban kiểm phiếu
11h10~11h20	- Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết	Ban kiểm phiếu
11h20~11h30	- Thông qua Biên bản và Bế mạc Đại hội	Ban thư ký, Đoàn chủ tịch



TỔNG CÔNG TY
CÔNG DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày tháng 4 năm 2022

QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NA

Điều 1. Mục tiêu

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Đối tượng, Phạm vi áp dụng

- Quy chế này quy định điều kiện, thể thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na và quyền, nghĩa vụ của các bên tham dự Đại hội;
- Các cổ đông của công ty và các đối tượng tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của Quy chế này.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông tham dự đại hội:

1. Điều kiện tham dự Đại hội: Tất cả các cổ đông là pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
2. Quyền của các cổ đông tham dự đại hội:
 - Được thông báo mời họp qua thư mời được gửi đến địa chỉ theo Danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội, qua báo chí, trên website của Công ty (<http://huana.com.vn>). Tài liệu đại hội được Ban tổ chức đăng tải công khai trên website của Công ty và phát cho cổ đông tại Đại hội để xem xét và thảo luận trực tiếp tại Đại hội.
 - Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người đại diện tham dự Đại hội và được phát biểu ý kiến đóng góp, biểu quyết các vấn đề được ghi trong nội dung chương trình của Đại hội.
 - Cổ đông đến dự đại hội muộn có quyền được đăng ký vào dự ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội; nhưng không có quyền tham gia và biểu quyết về những nội dung đã được Đại hội thông qua trước đó khi cổ đông chưa có mặt (hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng).

3. Nghĩa vụ của các cổ đông tham dự đại hội:

- Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.
- Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội và tôn trọng kết quả biểu quyết của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
- Tự chịu chi phí đi lại, ăn ở để tham dự Đại hội.
- Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự Đại hội cổ đông phải mang theo giấy Ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền), giấy tờ tùy thân (CMND hoặc Hộ chiếu) và Thư mời tham dự trình cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
- Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó.
- Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó.
- Để thuận lợi cho việc tổ chức Đại hội, cổ đông gửi giấy xác nhận tham dự về Công ty theo địa chỉ và thời gian ghi trên Thư mời họp.
- Cổ đông đến tham dự Đại hội có mặt đúng thời gian quy định và phải hoàn thành các thủ tục đăng ký với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và nhận Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết,...
- Nghiêm túc chấp hành nội quy đại hội và tôn trọng kết quả Đại hội.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị đề cử (Trưởng Ban kiểm soát làm trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông).
- Ban kiểm tra tư cách cổ đông thực hiện:
 - Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc Đại diện theo ủy quyền đến dự họp: Giấy tờ tùy thân (CMND, hộ chiếu); Thư mời; Giấy ủy quyền (nếu có);
 - Phát tài liệu liên quan đến Đại hội cho cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền;
 - Báo cáo trước đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội trước khi Đại hội được chính thức tiến hành.
- Trường hợp người đến tham dự Đại hội không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối cấp Phiếu biểu quyết và các tài liệu khác liên quan đến Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu.

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
- Ban kiểm phiếu có các nhiệm vụ sau:
 - Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội; Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung, lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả trước đại hội.
- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm phiếu phải làm việc trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả biểu quyết.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội và Ban thư ký Đại hội

1. Chủ tọa Đại hội

- Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chủ trì, chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Chủ tọa điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình Đại hội và Quy chế đã được Đại hội thông qua.
- Chủ tọa hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình nghị sự và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- Chủ tọa có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp ra khỏi cuộc họp.
- Chủ tọa có quyền hoãn Đại hội đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp nếu nhận thấy rằng:
 - Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở công việc diễn biến có trật tự của cuộc họp.
 - Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

2. Ban thư ký

- Ban thư ký Đại hội được Chủ tọa đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
- Ban thư ký thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tọa, cụ thể như sau:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông/đại diện cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

- Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.
- Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa.

Điều 7. Tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự Đại hội đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập khi quyết định triệu tập Đại hội.

Điều 8. Biểu quyết tại Đại hội:

Việc biểu quyết thông qua các nội dung trong Đại hội được thực hiện theo quy định cụ thể tại “*Thế lệ biểu quyết*”.

Điều 9. Biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- Tất cả nội dung tại Đại hội phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
- Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết của đại hội.
- Căn cứ kết quả tại Đại hội, chủ tọa ra nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề đã được Đại hội thông qua.

Điều 10. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này gồm 10 Điều được đọc công khai trước khi tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tổ chức vào ngày 08/4/2022 và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hoàng Xuân Thành



TỔNG CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN LỊCH DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
HÒA NA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày tháng 4 năm 2022

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na;

Để đảm bảo sự thành công của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông đều phải được thông qua dưới hình thức biểu quyết công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội, cụ thể như sau:

I. HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT

Cổ đông/Người được ủy quyền, người Đại diện cổ đông thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na được biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và bỏ Phiếu biểu quyết. Cổ đông/người được ủy quyền khi làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức cung cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có in sẵn Mã số cổ đông, Tên cổ đông và số cổ phần sở hữu.

1. Thẻ biểu quyết:

Cổ đông biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết công khai tại Đại hội đối với các nội dung như: Thông qua nhân sự Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu; Nội dung chương trình làm việc của Đại hội; Quy chế Đại hội; Thẻ lệ biểu quyết của Đại hội; Biên bản - Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết 03 lần theo trình tự: **“Tán thành”** hoặc **“Không tán thành”** hoặc **“Ý kiến khác”**.

2. Phiếu biểu quyết:

- Đối với các nội dung khác cần lấy ý kiến biểu quyết của Đại hội (trừ các nội dung đã nêu tại điểm 1) sẽ được cổ đông biểu quyết thông qua bằng hình thức Phiếu biểu quyết. Phiếu biểu quyết được ghi rõ các nội dung cần biểu quyết, cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu lựa chọn vào 1 trong 3 ô: **“Tán thành”** hoặc **“Không tán thành”** hoặc **“Không có ý kiến”**, đối với từng nội dung trong Phiếu biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết hợp lệ là Phiếu có đóng dấu treo của Công ty, có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông hoặc người được ủy quyền hợp lệ, biểu quyết có đánh dấu lựa chọn chỉ vào 1 trong 3 ô đối với từng nội dung biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ là: Phiếu không có đóng dấu treo của Công ty; Phiếu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông hoặc người được ủy quyền hợp lệ; Biểu quyết có đánh dấu lựa chọn vào nhiều hơn 1 ô đối với một nội dung biểu quyết hoặc không đánh dấu lựa chọn vào ô biểu quyết nào; Phiếu bị gạch xóa, sửa chữa; Phiếu bị tách rời, không còn nguyên vẹn; Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu.

II. NGUYÊN TẮC THÔNG QUA

Các nội dung biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi đạt tỷ lệ số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội chấp thuận theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hoàng Xuân Thành

Số: *126* /BC-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 16 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2021

I. TÓM TẮT TÌNH HÌNH

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị năm 2021

Hội đồng quản trị Công ty năm 2021 gồm 05 thành viên trong đó: 01 Chủ tịch HĐQT chuyên trách; 01 thành viên HĐQT kiêm Giám đốc; 01 thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc; 01 thành viên HĐQT kiêm nhiệm làm việc ở cổ đông Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP và 01 thành viên HĐQT độc lập.

Danh sách Hội đồng quản trị năm 2021 như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian
1	Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	Từ ngày 19/4/2018
2	Trịnh Bảo Ngọc	TV HĐQT, Giám đốc	Từ ngày 19/4/2018
3	Nguyễn Xuân Sơn	TV HĐQT, Phó giám đốc	Từ ngày 19/4/2018
4	Lê Hải Long	TV HĐQT	Từ ngày 19/4/2018
5	Vũ Văn Tâm	TV HĐQT độc lập	Từ ngày 19/4/2018

Các thành viên HĐQT kiêm nhiệm và thành viên HĐQT độc lập đều đang nắm giữ các cương vị lãnh đạo ở các Cổ đông và có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, công tác quản trị doanh nghiệp và quản lý chỉ đạo sản xuất kinh doanh điện.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021.

Năm 2021, HĐQT tiến hành 04 cuộc họp và ban hành 55 Nghị quyết, Quyết định, cụ thể: Ban hành 10 Nghị quyết và 45 Quyết định. Các Nghị quyết/Quyết định được ban hành tại các cuộc họp và theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đối với các thành viên Hội đồng quản trị để quản lý, quản trị, điều hành hoạt động của Công ty.



Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HHC-HĐQT	14/01/2021	Nghị quyết thông qua chương trình công tác trọng tâm năm 2021 của HĐQT
2	02/QĐ-HHC-HĐQT	01/02/2021	Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
3	03/QĐ-HHC-HĐQT	01/02/2021	Chi Quỹ thưởng của Người quản lý Công ty
4	04/NQ-HHC-HĐQT	02/02/2021	Nghị quyết đề nghị cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Nghệ An
5	05/QĐ-HHC-HĐQT	22/02/2021	Phê duyệt Báo cáo KTKT ĐTXD, KH lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu XD nhà ở CBCNV 8 phòng tại NMTĐ Hòa Na
6	06/QĐ-HHC-HĐQT	22/02/2021	Phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty CPTĐ Hòa Na
7	07/NQ-HHC-HĐQT	23/02/2021	Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
8	08/QĐ-HHC-HĐQT	01/03/2021	Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Sửa chữa lớn hệ thống thiết bị NMTĐ Hòa Na năm 2022
9	09/NQ-HHC-HĐQT	09/03/2021	Bổ nhiệm lại Phó giám đốc và bổ nhiệm Phó giám đốc Công ty
10	10/QĐ-HHC-HĐQT	11/03/2021	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Sửa chữa lớn hệ thống thiết bị NMTĐ Hòa Na năm 2021
11	01-2021/NQ-HHC-HĐQT	19/03/2020	Nghị quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ 02 năm 2021
12	11/QĐ-HHC-HĐQT	24/03/2021	Phê duyệt giá trị hỗ trợ để thực hiện công tác cải tạo, sửa chữa hệ thống cấp nước sinh hoạt cho nhân dân các điểm TĐC
13	12/QĐ-HHC-HĐQT	02/04/2021	Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Xây dựng Nhà ở CBCNV 8 phòng tại NMTĐ Hòa Na
14	13/QĐ-HHC-HĐQT	05/04/2021	Phê duyệt Định mức Kinh tế - Kỹ thuật NMTĐ Hòa Na năm 2021
15	14/QĐ-HHC-HĐQT	12/04/2021	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Xây dựng Nhà ở CBCNV 8 phòng tại NMTĐ Hòa Na
16	16/QĐ-HHC-HĐQT	15/04/2021	Bổ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Xuân Sơn

17	17/QĐ-HHC-HĐQT	15/04/2021	Bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty đối với ông Đoàn Văn Trường
18	18/QĐ-HHC-HĐQT	16/04/2021	Ban hành Quy chế Quản trị nội bộ Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
19	19/QĐ-HHC-HĐQT	16/04/2021	Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
20	20/NQ-HHC-HĐQT	22/04/2021	Thông qua chi tiết Phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
21	21/QĐ-HHC-HĐQT	07/05/2021	Phê duyệt chủ trương thực hiện gói thầu Bảo hiểm vận hành NMTĐ Hòa Na thời hiệu 2021-2022 và những năm tiếp theo
22	22/NQ-HHC-HĐQT	11/05/2021	Giải tỏa đối với cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo chương trình ESOP năm 2020
23	23/QĐ-HHC-HĐQT	13/05/2021	Chi Quỹ thưởng của Người quản lý Công ty
24	24/QĐ-HHC-HĐQT	13/05/2021	Phê duyệt đơn vị cung cấp dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 và kiểm toán Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
25	25/QĐ-HHC-HĐQT	13/05/2021	Phê duyệt dự thảo nội dung Hợp tín dụng giữa Công ty CP TĐ Hòa Na và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
26	26/QĐ-HHC-HĐQT	01/06/2021	Kiện toàn Tổ thẩm định đề cương nhiệm vụ, dự án đầu tư, báo cáo KTKT, TK, DT, KH lựa chọn nhà thầu và DT gói thầu trong quá trình SXKD
27	27/QĐ-HHC-HĐQT	11/06/2021	Phê duyệt kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021
28	28/QĐ-HHC-HĐQT	11/06/2021	Phê duyệt Phạm vi bảo hiểm, dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu dịch vụ Bảo hiểm vận hành NMTĐ Hòa Na thời hiệu 2021-2022 và hai năm tiếp theo
29	29/QĐ-HHC-HĐQT	22/06/2021	Phê duyệt dự toán kinh phí hoạt động năm 2021 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình thủy điện Hòa Na
30	30/QĐ-HHC-HĐQT	29/06/2021	Sửa đổi Khoản 3 Mục 1 Điều 1 Quyết định số 31/QĐ-HHC-HĐQT ngày 09/7/2020 về việc phê duyệt chương trình bảo hiểm nhân thọ cho CBCNV
31	02-2021/NQ-HHC-HĐQT	19/07/2021	Nghị quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ 03 năm 2021

290
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
VIỆT
NAM

32	31/QĐ-HHC-HĐQT	20/07/2021	Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2020 và kế hoạch lao động, tiền lương năm 2021 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
33	32/QĐ-HHC-HĐQT	26/07/2021	Phê duyệt Báo cáo KTKT ĐTXD, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Xây dựng hệ thống thoát nước từ khu nhà làm việc đến đường VH4 tại Nhà máy thủy điện Hòa Na
34	33/QĐ-HHC-HĐQT	28/07/2021	Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Bảo hiểm vận hành Nhà máy thủy điện Hòa Na thời hiệu 2021-2022 và hai năm tiếp theo
35	34/QĐ-HHC-HĐQT	05/08/2021	Hủy thầu gói Bảo hiểm vận hành Nhà máy thủy điện Hòa Na thời hiệu 2021-2022 và hai năm tiếp theo; Gia hạn thời gian HĐ số 28-2020/HĐ-HHC-PVI ngày 10/8/2020
36	35/QĐ-HHC-HĐQT	26/08/2021	Chi quỹ thưởng của Người quản lý Công ty nhân ngày 02/9/2021
37	36/QĐ-HHC-HĐQT	01/09/2021	Phê duyệt chi phí, nội dung Phụ lục bổ sung HĐ bảo hiểm số 28-2020/HĐ-HHC-PVI ngày 10/8/2020 và chủ trương lựa chọn đơn vị tư vấn môi giới chương trình Bảo hiểm vận hành NMTĐ Hòa Na thời hiệu 2021-2022 và hai năm tiếp theo
38	37/QĐ-HHC-HĐQT	09/09/2021	Thành lập Tổ thẩm định lựa chọn nhà thầu gói thầu Xây dựng hệ thống mương thoát nước từ khu nhà làm việc đến đường VH4 tại Nhà máy thủy điện Hòa Na
39	38/NQ-HHC-HĐQT	15/09/2021	Thông qua chủ trương bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ
40	39/QĐ-HHC-HĐQT	20/09/2021	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Xây dựng hệ thống thoát nước từ khu nhà làm việc đến đường VH4 tại nhà máy thủy điện Hòa Na
41	40/QĐ-HHC-HĐQT	22/09/2021	Kiện toàn Hội đồng thi đua - khen thưởng và kỷ luật
42	41/QĐ-HHC-HĐQT	11/10/2021	Thành lập tổ thẩm định phạm vi bảo hiểm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu (điều chỉnh), Hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu bảo hiểm vận hành NMTĐ Hòa Na thời hiệu 2021-2022 và hai năm tiếp theo

079/
JG
PH/
Đ
A N
G.T.

43	42/QĐ-HHC-HĐQT	20/10/2021	Phê duyệt điều chỉnh phạm vi bảo hiểm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Hồ sơ mời thầu gói thầu Bảo hiểm vận hành MNTĐ Hòa Na thời hiệu 2021-2022 và hai năm tiếp theo
44	43/QĐ-HHC-HĐQT	20/10/2021	Phê duyệt dự toán mua sắm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Cung cấp vật tư thiết bị dự phòng chiến lược năm 2021 phục vụ công tác vận hành và sửa chữa bảo dưỡng Nhà máy
45	03-2021/NQ-HHC-HĐQT	29/10/2021	Nghị quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ 04 năm 2021
46	46/QĐ-HHC-HĐQT	16/11/2021	Bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Trọng Thạch
47	47/QĐ-HHC-HĐQT	29/11/2021	Phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán gói thầu Quan trắc biến dạng các hạng mục công trình chu kỳ 3 Nhà máy TĐ Hòa Na
48	48/QĐ-HHC-HĐQT	07/12/2021	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Bảo hiểm vận hành Nhà máy TĐ Hòa Na thời hiệu 2021-2022 và hai năm tiếp theo
49	49/QĐ-HHC-HĐQT	10/12/2021	Phê duyệt chủ trương triển khai các gói thầu xử lý sạt trượt và sụt lún phát sinh tại khu vực mái dốc thượng lưu Nhà máy thủy điện Hòa Na (phạm vi từ cao trình 198m đến cao trình 210m)
50	50/QĐ-HHC-HĐQT	21/12/2021	Thành lập tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vật tư thiết bị dự phòng chiến lược năm 2021 phục vụ công tác vận hành và sửa chữa bảo dưỡng nhà máy
51	51/QĐ-HHC-HĐQT	27/12/2021	Phê duyệt và ban hành Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng của Người quản lý
52	52/QĐ-HHC-HĐQT	27/12/2021	Phê duyệt và ban hành Quy chế trả lương của Người lao động
53	53/QĐ-HHC-HĐQT	29/12/2021	Tạm phê duyệt quỹ tiền lương, tiền thưởng an toàn thực hiện năm 2021 của Người quản lý và Người lao động
54	54/QĐ-HHC-HĐQT	29/12/2021	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vật tư thiết bị dự phòng chiến lược năm 2021 phục vụ công tác vận hành và sửa chữa bảo dưỡng Nhà máy thủy điện Hòa Na
55	55/QĐ-HHC-HĐQT	31/12/2021	Sắp xếp mức tiền lương hàng tháng của Người quản lý chuyên trách Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na

430
TY
IN
IA
NGH

Các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty được ban hành đều phù hợp với các quy chế, quy định của Nhà nước, Điều lệ Công ty để quản lý, quản trị Công ty và kịp thời chỉ đạo, giám sát điều hành các hoạt động của Ban giám đốc, cán bộ quản lý Công ty.

Định kỳ hàng tháng hoặc bất thường, chủ tịch HĐQT đã thay mặt HĐQT tham dự các cuộc họp giao ban với Ban Giám đốc, các Trưởng phòng/Phân xưởng của Công ty để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời có những ý kiến chỉ đạo giải quyết xử lý công việc trực tiếp tại cuộc họp.

Quản lý, quản trị chuyên nghiệp các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT/ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị lấy ý kiến các ủy viên/cổ đông bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết/Quyết định ĐHĐCĐ/HĐQT kịp thời.

Trong năm 2021 Hội đồng quản trị đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát Giám đốc trong các hoạt động cụ thể như sau:

- Luôn theo dõi sát sao các hoạt động của Giám đốc, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Ban Giám đốc Công ty.

- Yêu cầu Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

- Quyết định, xem xét phương án sản xuất kinh doanh của Công ty từng quý, kịp thời đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch đồng thời đưa ra định hướng, giải pháp để thực hiện mục tiêu kế hoạch cả năm 2021.

- Chỉ đạo Giám đốc và các bộ phận tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp như: Giải pháp Kỹ thuật nhằm ổn định công tác vận hành nhà máy, công tác bảo dưỡng sửa chữa thiết bị nhà máy kết hợp với Quản lý tài chính, Quản lý thiết bị, vật tư, nguồn nhân lực, ... đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh với hiệu quả cao.

- Giao cho Ban Giám đốc tổ chức thực hiện và phối hợp với các đoàn thể như Công đoàn và Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động phong trào nâng cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, chia sẻ khó khăn, cùng nhau phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trong năm 2021.

- Hội đồng quản trị đưa ra định hướng đúng, các giải pháp khoa học và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm tra kiểm soát.

3. Lương, thù lao, các khoản lợi ích và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021

3.1. Lương, thù lao, các khoản lợi ích.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tháng	Tổng thu nhập (VNĐ)
1	Hoàng Xuân Thành	CT HĐQT	12	959.077.572
2	Trịnh Bảo Ngọc	TV HĐQT, Giám đốc	12	973.411.025
3	Nguyễn Xuân Sơn	TV HĐQT, PGĐ	12	867.374.480
4	Lê Hải Long	TV HĐQT	12	75.000.000
5	Vũ Văn Tâm	TV HĐQT	12	75.000.000
	TỔNG CỘNG			2.949.863.077

3.2. Chi phí hoạt động

Tổng kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị là: 276.475.000 đồng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HĐQT NĂM 2021

1. Công tác sản xuất kinh doanh

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ hoàn thành %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/4)
1	Sản lượng điện	Tr.kw.h	625,20	563,31	90%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	685,49	695,83	102%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	616,74	557,25	90%
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	68,75	138,58	202%
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	161,90	162,92	101%
6	Giá điện bình quân (trước các thuế phí)	đ/kWh	948,39	1.081,03	114%
7	Giá thành	đ/kWh	986,47	989,25	100%

- Chỉ tiêu sản lượng điện: Sản lượng điện năm 2021 đạt 563,31 triệu kWh, bằng 90% kế hoạch. Sản lượng điện không đạt theo kế hoạch được duyệt do điều kiện khí tượng thủy văn không thuận lợi. Lưu lượng nước về hồ bình quân của cả năm chỉ đạt 75,88m³/s, bằng 81% so với trung bình nhiều năm (93,98m³/s).

- Mặc dù sản lượng không đạt theo kế hoạch, tuy nhiên nhà máy đã có chiến lược chào giá hợp lý, chạy máy vào các thời điểm có giá thị trường cao. Kết quả doanh thu bán điện trước các thuế/phí đạt 608,95 tỷ đồng bằng 103% kế hoạch, giá bán điện đạt 1.081,03 đồng/kWh bằng 114% kế hoạch; tổng doanh thu đạt 695,83 tỷ đồng, hoàn thành 102% kế hoạch năm.

- Trước tình hình khó khăn về dòng tiền và diễn biến thủy văn không thuận lợi nên ngay từ đầu năm Công ty đã luôn chủ động trong công tác tiết kiệm, tiết giảm các chi phí chưa thực sự cần thiết. Kết quả lợi nhuận trước thuế đạt 138,58 tỷ đồng bằng 202% kế hoạch năm được duyệt.

2. Công tác vận hành, bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa, mua sắm vật tư thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa, đầu tư xây dựng

2.1. Công tác quản lý vận hành, sửa chữa bảo dưỡng:

- Công tác quản lý vận hành, sửa chữa thường xuyên:

+ Công tác quản lý vận hành: Trong năm, nhà máy vận hành an toàn, không có sự cố bất thường xảy ra, đáp ứng theo kế hoạch huy động của Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia, phù hợp với tình hình khí tượng thủy văn trên lưu vực và hoạt động của nhà máy trên thị trường điện.

+ Công tác sửa chữa thường xuyên: Đội ngũ cán bộ, công nhân viên thường xuyên kiểm tra và tự tổ chức thực hiện trong suốt quá trình vận hành, công tác bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên đạt yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng, đảm bảo nhà máy luôn khả dụng vận hành tin cậy và an toàn.

+ Công tác thị trường điện: Mặc dù lưu lượng nước về hồ thấp nhưng Tổ thị trường điện đã tính toán, chào giá đạt hiệu quả cao, khai thác được hiệu quả nguồn nước, tăng doanh thu và lợi nhuận.

- Công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ: hoàn thành công tác đại tu Nhà máy vượt tiến độ 3 ngày so với kế hoạch. Sau kỳ bảo dưỡng, sửa chữa các tổ máy được đưa vào vận hành an toàn, hiệu quả.

2.2. Bảo trì và đầu tư công trình xây dựng:

- Công ty đã thực hiện cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng các hạng mục công trình: cải tạo, khơi thông, bổ sung các rãnh nước; trồng cây xanh; khắc phục/gia cố các vị trí sạt lở trên các mái taluy, mặt đường; phát quang tuyến đường dây cáp điện tự dùng...

- Đến hết năm 2021 về cơ bản Công ty đã hoàn thiện công tác đầu tư cơ sở hạ tầng nhà làm việc, nhà ở, khuôn viên sinh hoạt, hoạt động cho CBCNV tại nhà máy. Đảm bảo đáp ứng nhu cầu đời sống và làm việc cho CBCNV, thu hút lao động làm việc gắn bó lâu dài tại nhà máy.

3. Công tác lao động, đào tạo, an sinh xã hội, an ninh, an toàn vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ

3.1. Công tác lao động tiền lương:

- Tổng số lao động bình quân năm 2021 là: 116 người,

Cơ cấu lao động cụ thể:

+ Giới tính: 99 lao động nam và 17 lao động nữ;

+ Hợp đồng lao động: Đối tượng không thuộc diện ký HĐLĐ: 08 người chiếm 6,1%; HĐLĐ không xác định thời hạn: 102 người chiếm 87,9%; HĐLĐ có thời hạn từ 1-3 năm: 06 người chiếm 5,2%.

- Tiền lương bình quân năm 2020 là 17,87 triệu đồng/người/tháng.

3.2. Công tác đào tạo: Năm 2021, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên các loại hình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ không được thực hiện trực tiếp mà thông qua bằng trực tuyến (online); kết quả có 84 lượt người tham gia, tổng số tiền 140,5 triệu đồng, cụ thể:

- Đào tạo cập nhật điểm mới của Bộ Luật lao động, BHXH, BHYT, BHTN;

- Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ;

- Đào tạo nghiệp vụ công tác Bảo vệ;

- Đào tạo cập nhật các chính sách mới về Thuế TNDN, thuế TNCN, Thuế GTGT;

- Đào tạo Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp trong tiến trình chuyển đổi số;

- Đào tạo thị trường điện năm 2021;

- Đào tạo công tác thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện trạm 110kV;

- Công tác đào tạo và phát triển trong bối cảnh mới, xu hướng và giải pháp.

3.3. Công tác an sinh xã hội: Tổ chức tặng quà các hộ nghèo, gia đình chính sách cho đồng bào trong các khu Tái định cư thủy điện Hòa Na và trong các chương trình do UBND tỉnh Nghệ An tổ chức; vận động 100% CBCNV trong công ty tích cực hưởng ứng, tham gia công tác an sinh xã hội, đóng góp vào các quỹ từ thiện, quỹ Vaccin do Chính phủ/Tập đoàn/Tổng công ty phát động theo khả năng và phù hợp với quy định của Pháp luật.

3.4. Công tác an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và ATVSM:

- Thực hiện tốt công tác phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan Công an trong việc đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn; Phối hợp với Công an Nghệ An tổ chức huấn luyện nghiệp vụ công tác bảo vệ cho 12 người; kiện toàn Đội xung kích tình nguyện phòng cháy, chữa cháy, ứng cứu khẩn cấp, phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn không để xảy ra các vụ việc mất an ninh trật tự, mất mát tài sản, vật tư, thiết bị,...

- Công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra công tác an toàn, sức khỏe, môi trường tiếp tục được tập trung thực hiện có hiệu quả; thực hiện việc cấp phát các trang thiết bị, phương tiện bảo vệ cá nhân đầy đủ, đúng mục đích cho từng công việc; khám sức khỏe định kỳ cho 100% CBCNVLĐ. Thường xuyên cập nhật chỉ đạo, chủ động xây dựng phương án ứng phó với dịch Covid-19, hỗ trợ cấp phát khẩu trang, nước rửa tay cho người lao động, đảm bảo tuyệt đối an toàn về sức khỏe cho người lao động.

- Công tác PCCC luôn được Công ty chú trọng, năm 2021 đã phối hợp với Công an Nghệ An tổ chức lớp Huấn luyện bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và Cứu nạn cứu hộ tại nhà máy cho 66 người; các phương tiện kỹ thuật phòng cháy chữa cháy tự động, hệ thống chữa cháy nước vách tường, các bình bột và bình CO2 chữa cháy luôn được kiểm tra, bảo dưỡng đảm bảo ở chế độ hoạt động, sẵn sàng được sử dụng khi có tình huống khẩn cấp.

4. Công tác còn lại trong giai đoạn đầu tư xây dựng dự án

Công ty còn một số khó khăn vướng mắc tập trung trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư như sau:

- Đối với khó khăn vướng mắc 251,89 ha đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm đang có rừng tự nhiên đã giao đất sản xuất cho người dân tại các điểm tái định cư ngoài thực địa nhưng phải thu hồi lại theo Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017. Công ty đang cùng phối hợp với UBND huyện Quế Phong làm việc với Đoàn điều tra Quy hoạch lâm nghiệp Nghệ An để thực hiện việc điều tra, rà soát xác định lại diện tích đất đang có rừng tự nhiên bắt buộc phải giữ lại để báo cáo UBND tỉnh xin ý kiến chỉ đạo xử lý.

- Bồi thường xử lý chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp nơi đi và nơi đến: Để tránh các rủi ro về pháp lý trong quá trình tổ chức thực hiện, đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho người dân bị ảnh hưởng bởi dự án Thủy điện Hòa Na cũng như đảm bảo hài hòa lợi ích các bên liên quan. Công ty đã có văn bản báo cáo cụ thể gửi UBND huyện Quế Phong/UBND tỉnh Nghệ An cùng các Sở ban ngành có liên quan. Dự kiến trong tháng 3/2022, UBND huyện chủ trì tổ chức đoàn công tác đi làm việc với các địa phương có các dự án tương tự (như thủy điện Sơn La, Thủy điện Lai Châu, Huội Quảng, Bản Chát) để tham khảo kinh nghiệm thực hiện các chính sách bồi thường, hỗ trợ về đất từ đó nắm bắt và tham mưu văn bản cho UBND tỉnh Nghệ An hướng dẫn UBND huyện Quế Phong tháo gỡ vướng mắc khi thực hiện phương án xử lý chênh lệch giá trị đất nông nghiệp giữa nơi đi và nơi đến tái định cư dự án thủy điện Hòa Na đảm bảo đúng quy định của pháp luật, và không để phát sinh khiếu nại, khiếu kiện.

5. Tình hình tài chính

5.1. Các chỉ tiêu chính

TT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Tỷ lệ 2021/2020
1	Tài sản ngắn hạn	287.700.102.413	334.054.565.645	116,11%
-	Tiền và các khoản tương đương tiền	73.971.681.803	170.608.725.829	230,64%
-	Các khoản phải thu ngắn hạn	189.039.017.682	137.299.011.092	72,63%
-	Hàng tồn kho	24.271.040.256	24.913.220.284	102,65%
-	Tài sản ngắn hạn khác	418.362.672	1.233.608.440	294,87%
2	Tài sản dài hạn	3.823.813.005.427	3.551.349.757.025	92,87%
-	Tài sản cố định	3.787.480.070.147	3.508.002.119.065	92,62%
-	Tài sản dở dang dài hạn	24.842.057.116	35.404.690.088	142,52%
-	Tài sản dài hạn khác	11.490.878.164	7.942.947.872	69,12%
	Tổng tài sản (1+2)	4.111.513.107.840	3.885.404.322.670	94,50%

3	Nợ phải trả	1.456.593.185.294	1.103.440.714.048	75,75%
-	Nợ ngắn hạn	634.258.175.859	609.628.153.491	96,12%
-	Nợ dài hạn	822.335.009.435	493.812.560.557	60,05%
4	Vốn chủ sở hữu	2.654.919.922.546	2.781.963.608.622	104,78%
-	Vốn góp của CSH	2.352.322.103.444	2.352.322.103.444	100%
-	Vốn khác của CSH	64.985.781.295	64.985.781.295	100%
-	Quỹ đầu tư phát triển	12.362.677.707	12.318.667.089	99,64%
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	225.249.359.900	352.447.056.794	144,48%
	Tổng cộng nguồn vốn (3+4)	4.111.513.107.840	3.885.404.322.670	94,50%

5.2. Tài sản

Nhìn chung, tài sản của Công ty có biến động giữa các năm. Tính đến 31/12/2021, tổng tài sản của Công ty năm 2021 là hơn 3.885 tỷ đồng giảm so với năm 2020 chủ yếu do trích khấu hao cơ bản tài sản cố định.

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, tiền và các khoản tương đương với tiền chiếm tỷ trọng lớn 51,07%, đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty.

5.3. Nợ phải trả

Đến thời điểm 31/12/2021, các khoản nợ phải trả của Công ty là 1.103 tỷ đồng giảm 353 tỷ đồng so với năm 2020.

5.4. Nguồn vốn chủ sở hữu: Tăng thêm 127 tỷ đồng so với năm 2020 do được bổ sung từ nguồn lợi nhuận sau thuế từ kết quả kinh doanh năm 2021. Lũy kế đến 31/12/2021 tổng nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty đạt 352 tỷ đồng.

(Chi tiết xem Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán)

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

1. Thông tin về kết quả chào bán trái phiếu

1.1. Mã trái phiếu: HNAB2123001

1.2. Khối lượng trái phiếu phát hành (chi tiết số lượng trái phiếu và mệnh giá):

- Số lượng trái phiếu phát hành: 1.500.000 trái phiếu
- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 (một trăm nghìn đồng)/trái phiếu
- Kỳ hạn: 02 (hai) năm
- Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm.
- Hình thức trái phiếu: Bút toán ghi sổ
- Lãi suất danh nghĩa và kỳ hạn trả lãi:

+ Lãi suất danh nghĩa:

Kỳ Tính Lãi đầu tiên: 9,9%/năm.

Các Kỳ Tính Lãi tiếp theo: Tổng của 2,9% và Lãi Suất Tham Chiếu (LSTC). Trong đó LSTC là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả lãi sau kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt nam, của 5 ngân hàng bao gồm Vietcombank, BIDV, Vietinbank, Agribank và MBbank (không rút gốc trước hạn). Tuy nhiên lãi suất trái phiếu áp dụng không thấp hơn 9%/năm.

+ Kỳ hạn trả lãi: 06 (sáu) tháng

- Lãi suất phát hành thực tế:

Kỳ Tính Lãi đầu tiên: 9,9%/năm.

Các Kỳ Tính Lãi tiếp theo: Tổng của 2,9% và Lãi Suất Tham Chiếu (LSTC). Trong đó LSTC là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả lãi sau kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt nam, của 5 ngân hàng bao gồm Vietcombank, BIDV, Vietinbank, Agribank và MBbank (không rút gốc trước hạn). Tuy nhiên lãi suất trái phiếu áp dụng không thấp hơn 9%/năm.

1.3. Ngày phát hành và ngày đáo hạn:

- Ngày phát hành: 28/04/2021

- Ngày đáo hạn: 28/04/2023

1.4. Mục đích phát hành: Cơ cấu lại các khoản nợ của Tổ Chức Phát Hành

1.5. Phương thức phát hành: Bảo lãnh phát hành.

Tổ chức bảo lãnh phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội

1.6. Phương thức thanh toán gốc, lãi trái phiếu: Công ty dự kiến sử dụng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động kinh doanh của Công ty để thanh toán gốc, lãi và các khoản phải thanh toán khác (nếu có) của các Trái Phiếu.

Hồ sơ phát hành trái phiếu đã phát hành thành công theo Nghị quyết số 20/NQ-HHC-HĐQT ngày 22/4/2021 về việc thông qua chi tiết phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

2. Nhà đầu tư mua trái phiếu

2.1. Danh sách nhà đầu tư mua trái phiếu

STT	Nhà đầu tư trái phiếu	Giá trị nắm giữ (đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Nhà đầu tư trong nước	150.000.000.000	100%
1.1	Nhà đầu tư tổ chức	120.000.000.000	80%
1.2	Nhà đầu tư cá nhân	30.000.000.000	20%
2	Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
	Tổng	150.000.000.000	100%

2.2. Cơ cấu nhà đầu tư mua trái phiếu:

STT	Nhà đầu tư trái phiếu	Số lượng nhà đầu tư	Tỷ trọng (%)
I	Nhà đầu tư trong nước	6	100%
1	Nhà đầu tư tổ chức	1	80%
	a) Tổ chức tín dụng (theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng)	-	-
	b) Công ty chứng khoán	-	-
	c) Quỹ đầu tư chứng khoán	1	80%
	d) Công ty bảo hiểm	-	-
	e) Các tổ chức khác	-	-
2	Nhà đầu tư cá nhân chuyên nghiệp	5	20%
	<i>Tổng nhà đầu tư trong nước</i>	6	100%
II	Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
	<i>Tổng nhà đầu tư nước ngoài</i>	-	-
	Tổng	6	100%

Việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp thành công, đã giúp cho Công ty cân đối được dòng tiền một cách kịp thời, đảm bảo được tính thanh khoản và khả năng trả nợ của Công ty.

3. Tình hình giải ngân nguồn vốn huy động từ trái phiếu doanh nghiệp

Chi tiết thực hiện giải ngân trái phiếu từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 được thể hiện qua bảng sau:

<i>Đơn vị: Tỷ đồng</i>		
TT	Nội dung	Giá trị
1	Tổng giá trị phát hành trái phiếu thành công	150,00
2	Chi tiết giải ngân trong kỳ (01/01-31/12/2021)	150,00
24/05/2021	Chuyển tiền lãi vay tháng 5/2021 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Nghệ An	4,45
24/05/2021	Chuyển tiền gốc và lãi vay tháng 5/2021 tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Nghệ An	23,47
24/05/2021	Chuyển tiền lãi vay tháng 5/2021 tại Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Hà Nội	0,99
22/06/2021	Chuyển tiền gốc và lãi vay tháng 6/2021 tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Nghệ An	23,42
22/06/2021	Chuyển tiền gốc và lãi vay tháng 6/2021 tại Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Hà Nội	10,04
22/06/2021	Chuyển tiền lãi vay tháng 6/2021 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Nghệ An	0,23

22/06/2021	Chuyển tiền gốc và lãi vay tháng 6/2021 tại Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	13,43
21/07/2021	Chuyển tiền lãi vay tháng 7/2021 tại Ngân hàng TMCP công thương VN - CN Hà Nội	0,98
21/07/2021	Chuyển tiền gốc và lãi vay tháng 7/2021 tại Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	28,04
21/07/2021	Chuyển tiền gốc và lãi vay tháng 7/2021 tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Nghệ An	23,16
19/08/2021	Chuyển tiền gốc và lãi vay tháng 8/2021 tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Nghệ An	21,78
3	Số lãi đã trả trong kỳ (01/01-31/12/2021)	7,45
4	Số gốc đã trả trong kỳ (01/01-31/12/2021)	-
5	Dư nợ tại 31/12/2021	150,00

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2021, các thành viên HĐQT đã thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

1. Ông Hoàng Xuân Thành – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngoài việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Chủ tịch HĐQT còn chịu trách nhiệm chỉ đạo chung trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HĐQT quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy chế làm việc của Hội đồng quản trị và các văn bản pháp luật khác liên quan.

Trực tiếp phụ trách các lĩnh vực: Nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn; dự án đầu tư quy mô lớn; công tác quản lý vốn, tài sản công ty; Công tác sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp; Công tác cổ phần, cổ phiếu, quan hệ cổ đông, hợp tác đối ngoại; Công tác tổ chức bộ máy, công tác nhân sự và đào tạo, thi đua khen thưởng của Công ty; Công tác tài chính kế toán, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

2. Ông Trịnh Bảo Ngọc - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên HĐQT, Giám đốc quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Trịnh Bảo Ngọc đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, sát sao trong quản lý; chỉ đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, hiệu quả; đưa ra những giải pháp, quyết sách kịp thời, định hướng đúng đắn nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Thành viên HĐQT, Giám đốc quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật.

3. Ông Nguyễn Xuân Sơn – Thành viên HĐQT, Phó giám đốc

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên HĐQT, quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Nguyễn Xuân Sơn đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, sát sao trong quản lý; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật. Trực tiếp phụ trách lĩnh vực: Xây dựng các quy chế và quy định quản lý nội bộ; Các chế độ chính sách đối với người lao động, định mức lao động, tiền lương; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Công ty; công tác pháp chế, kiểm soát nội bộ; công tác phát triển kỹ thuật, khoa học và công nghệ; công tác văn hóa doanh nghiệp.

4. Ông Lê Hải Long – Thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị, quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Lê Hải Long đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, sát sao trong quản lý; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật.

5. Ông Vũ Văn Tâm - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị, quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Vũ Văn Tâm đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, sát sao trong quản lý; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật.

V. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Với vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát Giám đốc và người điều hành khác (gọi chung là Ban điều hành) trong các hoạt động cụ thể như sau:

- Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát sao các hoạt động của Ban điều hành, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Ban điều hành Công ty.

- Yêu cầu Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo HĐQT về các hoạt động của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

Trong năm 2021, Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai và thực hiện tốt các nội dung theo Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty thông qua các chỉ tiêu kinh tế tài chính đã đạt được. Lợi nhuận từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã góp phần tích lũy được nguồn vốn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp ngân sách nhà nước, ổn định thu nhập cho người lao động.

B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2022

I. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Trên cơ sở kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2021, HĐQT Công ty đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:

a. Các chỉ tiêu chính:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022
1	Sản lượng điện thương mại	Triệu kWh	630,83
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	680,622
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	591,987
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	88,634
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	84,203
6	Đào tạo (164 lượt người)	Tỷ đồng	1,095
7	Giá thành	Đồng/kWh	938,43
8	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	163,136
9	Lao động	Người	117
10	Quỹ tiền lương (tạm tính)	Tỷ đồng	43,504

b. Các nhiệm vụ chính cần thực hiện:

- Tổ chức quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Hòa Na luôn đảm bảo độ khả dụng cao, vận hành an toàn, ổn định và tin cậy. Phối hợp tốt với EVN/A0/EPTC để vận hành phát điện nhằm tối ưu hóa doanh thu và lợi nhuận trong thị trường điện cạnh tranh, thanh toán kịp thời tiền bán điện hàng tháng.

- Tiếp tục cập nhật, hoàn thiện định mức lao động, định mức kinh tế kỹ thuật; định mức/danh mục vật tư, thiết bị dự phòng; kịp thời bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện công tác bảo trì công trình xây dựng theo quy định để đảm bảo an toàn các hạng mục công trình trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện tuân thủ chặt chẽ nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

430 / Y / N / EP / A / 10

2. Công tác tài chính.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm. Chỉ thực hiện những hạng mục thực sự cần thiết, mang lại hiệu quả cho Công ty.

- Tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng, đối tác để giảm lãi suất tiền vay, cơ cấu lại các khoản nợ và huy động nguồn vốn từ các tổ chức/cá nhân phù hợp với các quy định của pháp luật đảm bảo cân đối dòng tiền.

3. Công tác đầu tư xây dựng

Tập trung cao độ, phối hợp với chính quyền địa phương để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án, đặc biệt là công tác giao đất và bồi thường chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp. Phấn đấu hoàn thành trong năm 2022 để sớm ổn định cuộc sống cho nhân dân tái định cư và quyết toán toàn bộ dự án.

4. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- Công ty luôn chú trọng và tích cực tham gia những hoạt động nhằm hướng tới mục tiêu trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp.

- Luôn duy trì, thường xuyên thực hiện các hoạt động an sinh và từ thiện xã hội như: Thăm hỏi tặng quà cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, tặng quà đồng bào tái định thuộc dự án thủy điện Hòa Na trong các dịp lễ, tết; Quyên góp giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, tham gia ủng hộ phòng chống dịch Covid-19, tham gia ủng hộ các quỹ tương trợ hoàn cảnh khó khăn; Tham gia các chương trình xây dựng các công trình nhà cộng đồng, trường học tại vùng sâu, vùng xa.

- Tham gia các sự kiện về môi trường như: Tham gia các sự kiện quốc tế: giờ trái đất và ngày môi trường thế giới; Thực hiện các khóa đào tạo tại chỗ để tiết kiệm thời gian di chuyển, chi phí đi lại và chi phí đào tạo.

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2022

1. Về phát triển nguồn nhân lực

- Nâng cao chất lượng người lao động để đảm bảo vận hành nhà máy an toàn, ổn định giảm tối đa thời gian dừng máy do sửa chữa, bảo dưỡng và sự cố.

- Tăng cường thực hiện các công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khuyến khích tạo điều kiện cho CBCNV tích cực tham gia các phong trào nghiên cứu, cải tiến trong sản xuất; nâng cao năng lực quản lý của Công ty; tuân thủ các quy định của Nhà nước, Tập đoàn/Tổng công ty.

- Tổ chức giao lưu, tổ chức các buổi hội thảo theo từng chuyên đề liên quan với các đơn vị trong ngành để trao đổi, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm để phục vụ công tác vận hành, sửa chữa thực tế tại nhà máy.

- Đưa ra các chính sách khen thưởng động viên kịp thời đối với những công nhân viên ưu tú, nhiệt tình, tích cực học tập, có sáng kiến, đưa lại hiệu quả cao.

2. Về các điều kiện vận hành nhà máy

- Căn cứ tình hình thực tế và dự báo thủy văn, giá thị trường điện và Qc giao để có kế hoạch chào giá và vận hành các tổ máy trong thị trường phát điện cạnh tranh để đạt doanh thu tối ưu khi tham gia thị trường.

- Chuẩn bị đầy đủ vật tư và vật tư dự phòng để phục vụ sửa chữa và sự cố. Phối hợp chặt chẽ với đơn vị bảo dưỡng, sửa chữa rà soát để có biện pháp xử lý kịp thời mọi tình huống bất thường xảy ra đối với thiết bị, đảm bảo hạn chế mức thấp nhất sự cố.

- Triển khai đồn đốc thực hiện tốt công tác an toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh lao động.

- Lập và triển khai kế hoạch phòng chống lụt, bão năm 2022 nhằm ứng phó kịp thời với tình hình phức tạp của mưa lũ, đảm bảo an toàn công trình và tính mạng con người.

3. Về công tác tài chính

- Tăng cường kiểm soát chi phí/giá thành, rà soát thường xuyên định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí phù hợp với thực tế và thực hành tiết kiệm.

- Tăng cường công tác quản lý vốn, tài sản hợp lý có hiệu quả. Đảm bảo cân đối dòng tiền, chủ động thu xếp nguồn vốn đảm bảo đủ, đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và đầu tư mới.

4. Về công tác quản trị

Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục tăng cường việc quản lý, quản trị, chỉ đạo giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; hỗ trợ và phối hợp cùng Ban giám đốc Công ty kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất cho Công ty, lợi ích cao nhất cho các Cổ đông.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban điều hành;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu HĐQT, TCHC, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Thành

Số: 127 /BC-HHC

Nghệ An, ngày 16 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất
kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na được sửa đổi, bổ sung lần 11 vào tháng 04 năm 2021, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021, Ban Giám đốc kính báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022 với các nội dung như sau:

Phần A:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I. Tình hình sản xuất kinh doanh điện

1. Thực hiện các chỉ tiêu sản lượng điện, chỉ tiêu tài chính

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản lượng điện, chỉ tiêu tài chính năm 2021 đạt được như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ hoàn thành %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/4)
I	Sản lượng điện	Tr.kw.h	625,20	563,31	90%
II	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	685,49	695,83	102%
1	Doanh thu sản xuất điện	Tỷ đồng	683,09	691,11	101%
	- Doanh thu từ hoạt động bán điện	Tỷ đồng	592,93	608,95	103%
	- Thu thuế TN, MT rừng, tiền cấp quyền khai thác sử dụng nước mặt	Tỷ đồng	90,16	82,16	91%
2	Doanh thu khác	Tỷ đồng	2,40	4,72	197%
III	Tổng chi phí	Tỷ đồng	616,74	557,25	90%
IV	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	68,75	138,58	202%
V	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	161,90	162,92	101%
VI	Giá điện bình quân (trước các thuế phí)	đ/kWh	948,39	1.081,03	114%
VII	Giá thành	đ/kWh	986,47	989,25	100%



2. Đánh giá thực hiện SXKD và tham gia thị trường điện.

- Chỉ tiêu sản lượng điện: Sản lượng điện năm 2021 đạt 563,31/625,20 triệu kWh, bằng 90% kế hoạch. Sản lượng điện không đạt theo kế hoạch được duyệt do điều kiện khí tượng thủy văn không thuận lợi. Lưu lượng nước về hồ bình quân của cả năm chỉ đạt 75,88m³/s, bằng 81% so với trung bình nhiều năm (93,98m³/s).

- Mặc dù sản lượng không đạt theo kế hoạch, tuy nhiên nhà máy đã có chiến lược chào giá hợp lý, chạy máy vào các thời điểm có giá thị trường cao. Kết quả doanh thu bán điện trước các thuế/phí đạt 608,95/592,93 tỷ đồng (giá bán điện đạt 1.081,03 đồng/kWh), bằng 103% so với kế hoạch năm; Tổng doanh thu đạt 695,83/685,49 tỷ đồng, hoàn thành 102% kế hoạch năm.

- Trước tình hình khó khăn về dòng tiền và diễn biến thủy văn không thuận lợi nên ngay từ đầu năm Công ty đã luôn chủ động trong công tác tiết kiệm, tiết giảm các chi phí chưa thực sự cần thiết. Kết quả lợi nhuận trước thuế đạt 138,58/68,75 tỷ đồng, bằng 202% kế hoạch năm được duyệt.

Ngoài ra, đến ngày 31/12/2021 mực nước thượng lưu hồ đạt cao trình 238,8 (chỉ thấp hơn 1,2m so với mực nước dâng bình thường 240m), cơ bản thuận lợi cho kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022 và nhu cầu huy động điện của hệ thống điện Quốc gia.

II. Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm khác

1. Tình hình quản lý vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, bảo trì Nhà máy

- Công tác vận hành: Nhà máy vận hành cơ bản an toàn, đáp ứng theo kế hoạch huy động điện của Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia.

- Công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ: Trong năm 2021, hoàn thành công tác đại tu Nhà máy vượt tiến độ 3 ngày so với kế hoạch. Sau kỳ bảo dưỡng, sửa chữa các tổ máy được đưa vào vận hành an toàn, hiệu quả.

- Tình hình thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật: Công tác quản lý vận hành nhà máy đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, không vượt định mức kinh tế kỹ thuật được duyệt.

- Công tác quản lý, bảo trì các hạng mục công trình xây dựng: nhằm đảm bảo chất lượng, tuổi thọ công trình, đảm bảo phù hợp với công năng sử dụng và tạo cảnh quan, Công ty đã thực hiện cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng các hạng mục công trình: cải tạo, khơi thông, bổ sung các rãnh nước; trồng cây xanh; khắc phục/gia cố các vị trí sạt lở trên các mái taluy, mặt đường; phát quang tuyến đường dây cấp điện tự dùng...

- Công tác đầu tư xây dựng, hoàn thiện các hạng mục cơ sở hạ tầng khuôn viên Nhà máy: Đến hết năm 2021 về cơ bản Công ty đã hoàn thiện công tác đầu tư cơ sở hạ tầng nhà làm việc, nhà ở, khuôn viên sinh hoạt, hoạt động cho CBCNV tại nhà máy. Đảm bảo đáp ứng nhu cầu đời sống và làm việc cho CBCNV, thu hút lao động làm việc gắn bó lâu dài tại nhà máy.

2. Công tác quản lý an toàn đập

Theo quy định, quy trình về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước và đề theo dõi, giám sát thực trạng vận hành của hệ thống công trình đập (đập dâng, đập tràn và đập phụ). Nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành sản xuất kinh doanh, Công ty đã triển khai đo đạc, quan trắc, phân tích, đánh giá trạng thái công trình, phát hiện những

sai lệch và đưa ra các biện pháp phòng ngừa sự cố và có phương án xử lý kịp thời các sự cố có thể xảy ra. Công tác quản lý vận hành hồ chứa theo đúng Quy trình vận hành liên hồ và Quy trình vận hành đơn hồ được duyệt, tuân thủ các quy định về quản lý an toàn đập theo Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/09/2018 của Chính phủ.

3. Công tác lựa chọn Nhà thầu và quản lý hợp đồng

Trong quá trình thực hiện lựa chọn nhà thầu và thực hiện và quản lý hợp đồng, Công ty luôn chú ý tuân thủ áp dụng theo các quy định của Luật đấu thầu, quy định của Tập đoàn/Tổng công ty và quy chế nội bộ của Công ty.

4. Công tác tài chính

- Để phục vụ cho việc cân đối dòng tiền, Công ty đã chủ động thực hiện các giải pháp tài chính như sau:

+ Phát hành thành công trái phiếu với số lượng là 1.500.000 trái phiếu, mệnh giá: 100.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn: 02 (hai) năm.

+ Nhằm mục đích trả nợ nhà thầu và thanh toán các chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, Công ty đã ký hợp đồng vay tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam - TECHCOMBANK giá trị là 100 tỷ đồng, thời gian vay tối đa là 60 tháng.

+ Thực hiện chủ trương chỉ đạo của Chính phủ về việc hỗ trợ cho các doanh nghiệp giảm bớt khó khăn do đại dịch Covid-19, trong tháng 11/2021 Công ty đã làm việc với các tổ chức tín dụng đề xuất giảm lãi suất vay vốn dài hạn và giãn nợ nhằm đảm bảo cân đối nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh tốt hơn cho các năm tiếp theo. Theo đó, Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình đã đồng ý giảm lãi vay từ 8,4% xuống 8,36%.

- Tình hình trả nợ gốc và lãi vay cho các tổ chức tín dụng đến ngày 31/12/2021 như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Hợp đồng	Lãi suất áp dụng hiện tại	Thời gian trả nợ gốc	Hạn mức tín dụng	Lũy kế số đã giải ngân	Lãi vay đã trả	Số đã trả gốc	Dư nợ
1	HĐ tín dụng số 124.12/HĐTD/II ngày 17/12/2012 (NHAB)	8,36%	Từ T6/2015-T12/2024	200,00	200,00	140,64	140,00	60,00
2	HĐ tín dụng số 182/16/TD-TT/II ngày 21/01/2016 (NHAB)	7,80%	Từ T7/2016-T01/2025	300,00	300,00	112,44	115,02	184,98
3	HĐ tín dụng số 09.001.286688.T D ngày 18/8/2009 (NHQBĐ)	10,50%	Từ T2/2015-T8/2024	328,78	328,78	267,64	182,79	145,99

STT	Hợp đồng	Lãi suất áp dụng hiện tại	Thời gian trả nợ gốc	Hạn mức tín dụng	Lũy kế số đã giải ngân	Lãi vay đã trả	Số đã trả gốc	Dư nợ
4	HĐ tín dụng số 12.08.005/HĐTD -HUANA ngày 05/3/2012 (NHVTB)	10,50%	Từ T9/2014-T6/2024	371,22	359,54	261,76	269,64	89,90
5	HĐ tín dụng số 382/2008/HĐTD ĐT-NHPT ngày 16/10/2008	6,90% đến 9,60%	Từ T1/2013-T12/2022	2.240,00	2.240,00	1.311,87	1.898,91	341,09
6	HĐ tín dụng số 68/2011/HĐTDD T-NHPT ngày 19/10/2011	11,00%	Từ T1/2013-T02/2018	411,00	411,00	236,74	411,00	-
7	HĐ tín dụng số MMD202113392 590/HĐTD ngày 25/05/2021	8,20%		100,00	45,52			45,52
8	Trái phiếu	9,0%	Từ 28/04/2021 -28/04/2023	150,00	150,00	7,45		150,00
	Cộng			4.101,00	4.034,84	2.338,54	3.017,36	1.017,48

- + Tổng giá trị đã vay các Ngân hàng: 4.034,84 tỷ đồng.
- + Số tiền nợ gốc đã trả: 3.017,36 tỷ đồng.
- + Số tiền lãi vay đã trả: 2.338,54 tỷ đồng.
- + Dư nợ: 1.017,48 tỷ đồng.

Năm 2021, Công ty đã thu xếp đủ dòng tiền để trả nợ kịp thời cho các ngân hàng theo quy định của các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

5. Công tác đầu tư phát triển các dự án mới

Chủ động tổ chức nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án điện mới có hiệu quả, trong đó đang xem xét phương án đầu tư vào Nhà máy thủy điện Nậm Chiến.

6. Công tác bảo hiểm nhà máy trong giai đoạn vận hành

Hoàn thành lựa chọn và ký hợp đồng bảo hiểm nhà máy thủy điện Hòa Na niên hạn 2021 – 2022 theo đúng quy định.

7. Công tác lao động, tiền lương

- Tổng số lao động của Công ty tính đến ngày 31/12/2021 là 116 người với cơ cấu: 99 lao động nam và 17 lao động nữ. 100% người lao động có việc làm ổn định, tiền lương bình quân người lao động 17,87 Tr.đ/người/tháng.

- Về hợp đồng lao động: Đối tượng không thuộc diện ký HĐLĐ: 08 người chiếm 6,9 %; HĐLĐ không xác định thời hạn: 102 người chiếm 87,9%; HĐLĐ có thời hạn từ 1-3 năm: 06 người chiếm 5,2%.

8. Công tác đào tạo

Năm 2021, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên các loại hình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ không được thực hiện trực tiếp mà thông qua bằng trực tuyến (Online); kết quả có 84 lượt CBCNVLĐ tham gia, tổng số tiền 140,5 triệu đồng, cụ thể:

- Đào tạo cập nhật điểm mới của Bộ Luật lao động, BHXH, BHYT, BHTN;
- Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ;
- Đào tạo nghiệp vụ công tác Bảo vệ;
- Đào tạo cập nhật các chính sách mới về Thuế TNDN, thuế TNCN, Thuế GTGT;
- Đào tạo Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp trong tiến trình chuyển đổi số;
- Đào tạo thị trường điện năm 2021;
- Đào tạo công tác thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện trạm 110kV;
- Công tác đào tạo và phát triển trong bối cảnh mới, xu hướng và giải pháp.

9. Công tác an sinh - xã hội, ổn định việc làm và chăm lo đời sống cho cán bộ công nhân viên lao động

- Tổ chức tặng quà các hộ nghèo, gia đình chính sách cho đồng bào trong các khu Tái định cư thủy điện Hòa Na và trong các chương trình do UBND tỉnh Nghệ An tổ chức; vận động 100% CBCNV trong công ty tích cực hưởng ứng, tham gia công tác an sinh xã hội, đóng góp vào các quỹ từ thiện, quỹ Vaccin do Chính phủ/Tập đoàn/Tổng công ty phát động theo khả năng và phù hợp với quy định của Pháp luật.

- Triển khai xây dựng lại quy chế trả lương, gắn tiền lương với hiệu quả hoạt động SXKD và chức danh công việc, đảm bảo ổn định thu nhập trong Công ty (bắt đầu thực hiện từ 01/01/2022);

- Từng bước hoàn thiện xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng, khuôn viên trong khu vực nhà máy, đảm bảo điều kiện thuận lợi về nơi ở và làm việc khang trang, sạch đẹp cho CBCNV Công ty yên tâm công tác.

- Triển khai kịp thời, quyết liệt các biện pháp phòng chống dịch Covid - 19, tính đến ngày 31/12/2021, 100% CBCNVLĐ Công ty đã được tiêm phòng đầy đủ 02 mũi vắc xin.

10. Công tác an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và ATVSM T

- Thực hiện tốt công tác phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan Công an trong việc đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn; Phối hợp với Công an Nghệ An tổ chức huấn luyện nghiệp vụ công tác bảo vệ cho 12 người; kiện toàn Đội xung kích tình nguyện phòng cháy, chữa cháy, ứng cứu khẩn cấp, phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn không để xảy ra các vụ việc mất an ninh trật tự, mất mát tài sản, vật tư, thiết bị,...

- Công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra công tác an toàn, sức khỏe, môi trường tiếp tục được tập trung thực hiện có hiệu quả; thực hiện việc cấp phát các trang thiết bị, phương tiện bảo vệ cá nhân đầy đủ, đúng mục đích cho từng công việc; khám sức khỏe định kỳ cho 100% CBCNVLĐ. Thường xuyên cập nhật chỉ đạo, chủ động xây



dụng phương án ứng phó với dịch Covid-19, hỗ trợ cấp phát khẩu trang, nước rửa tay cho người lao động, đảm bảo tuyệt đối an toàn về sức khỏe cho người lao động.

- Công tác PCCC luôn được Công ty chú trọng, năm 2021 đã phối hợp với Công an Nghệ An tổ chức lớp Huấn luyện bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và Cứu nạn cứu hộ tại nhà máy cho 66 người; các phương tiện kỹ thuật phòng cháy chữa cháy tự động, hệ thống chữa cháy nước vách tường, các bình bột và bình CO2 chữa cháy luôn được kiểm tra, bảo dưỡng đảm bảo ở chế độ hoạt động, sẵn sàng được sử dụng khi có tình huống khẩn cấp.

11. Công tác còn lại trong giai đoạn đầu tư xây dựng dự án

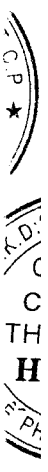
Đến nay, Công ty còn một số khó khăn vướng mắc tập trung trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư như sau:

- Đối với khó khăn vướng mắc 251,89 ha đất sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm đang có rừng tự nhiên đã giao đất sản xuất cho người dân tại các điểm tái định cư ngoài thực địa nhưng phải thu hồi lại theo Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017. Ngày 10/9/2021, UBND huyện Quế Phong đã báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Chi cục Kiểm lâm tỉnh Nghệ An về kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ cấu 03 loại rừng để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch lâm nghiệp cấp Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Công ty cùng phối hợp với UBND huyện Quế Phong làm việc với Đoàn điều tra Quy hoạch lâm nghiệp Nghệ An để thực hiện việc điều tra, rà soát xác định lại diện tích đất đang có rừng tự nhiên bắt buộc phải giữ lại để báo cáo UBND tỉnh xin ý kiến chỉ đạo xử lý.

- Giao đất lúa nước: Hiện nay, còn một số tồn tại và vướng mắc trong việc giao đất lúa nước cho các hộ dân tái định cư, cụ thể còn 139/879 hộ chưa nhận ruộng lúa nước. Việc chậm trễ nhận ruộng lúa nước của một số hộ dân đã làm chậm tiến độ hoàn thành giao đất tái định cư của dự án và dẫn đến nhiều hệ lụy có thể xảy ra cho các cấp Chính quyền địa phương và các bên có liên quan.

- Bồi thường xử lý chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp nơi đi và nơi đến: Để tránh các rủi ro về pháp lý trong quá trình tổ chức thực hiện, đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho người dân bị ảnh hưởng bởi dự án Thủy điện Hòa Na cũng như đảm bảo hài hòa lợi ích các bên liên quan. PVPower HHC đã có văn bản báo cáo cụ thể gửi UBND huyện Quế Phong/UBND tỉnh Nghệ An cùng các Sở ban ngành có liên quan tại Công văn số 390/HHC-KTKH ngày 30/7/2021, số 517/HHC-KTKH ngày 26/10/2021.

Căn cứ đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 7032/STNMT-QLĐĐ ngày 23/11/2021. Dự kiến trong tháng 3/2022, UBND huyện chủ trì tổ chức đoàn công tác đi làm việc với các địa phương có các dự án tương tự (như thủy điện Sơn La, Thủy điện Lai Châu, Huội Quảng, Bản Chát) để tham khảo kinh nghiệm thực hiện các chính sách bồi thường, hỗ trợ về đất từ đó nắm bắt và tham mưu văn bản cho UBND tỉnh Nghệ An hướng dẫn UBND huyện Quế Phong tháo gỡ vướng mắc khi thực hiện phương án xử lý chênh lệch giá trị đất nông nghiệp giữa nơi đi và nơi đến tái định cư dự án thủy điện Hòa Na đảm bảo đúng quy định của pháp luật, và không để phát sinh khiếu nại, khiếu kiện.



Phần B:**KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM SXKD NĂM 2022****I. Các nhiệm vụ chính****1. Công tác sản xuất kinh doanh**

- Tổ chức quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Hòa Na luôn đảm bảo độ khả dụng cao, vận hành an toàn, ổn định và tin cậy. Phối hợp tốt với EVN/A0/EPTC để vận hành phát điện nhằm tối ưu hóa doanh thu và lợi nhuận trong thị trường điện cạnh tranh, thanh toán kịp thời tiền bán điện hàng tháng.

- Tiếp tục cập nhật, hoàn thiện định mức lao động, định mức kinh tế kỹ thuật; định mức/danh mục vật tư, thiết bị dự phòng; kịp thời bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm. Chỉ thực hiện những hạng mục thực sự cần thiết, mang lại hiệu quả cho Công ty.

- Xây dựng, đảm bảo cân đối dòng tiền năm 2022 và các năm tiếp theo.

- Chi trả đầy đủ, kịp thời nợ gốc và lãi vay Ngân hàng, hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

- Lập kế hoạch mua sắm vật tư, CCDC, trang thiết bị văn phòng phục vụ sản xuất,... trên cơ sở nhu cầu sử dụng thực tế trong năm và tình trạng thiết bị, vật tư dự phòng trong kho, hạn chế vật tư thiết bị tồn kho.

- Tổ chức thực hiện công tác sửa chữa định kỳ (tiểu tu) Nhà máy thủy điện Hòa Na đảm bảo yêu cầu chất lượng, kỹ thuật, tiến độ và an toàn phù hợp với kế hoạch sửa chữa được duyệt/thông qua.

- Thực hiện công tác bảo trì công trình xây dựng theo quy định để đảm bảo an toàn các hạng mục công trình trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Đảm bảo thu nhập và các chế độ, chính sách cho người lao động. Phấn đấu mức lương/thu nhập cao hơn năm 2021.

- Thực hiện tuân thủ chặt chẽ nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Và các nội dung khác theo yêu cầu thực tế trong quá trình sản xuất kinh doanh.

2. Công tác đầu tư xây dựng

Tập trung cao độ, phối hợp với chính quyền địa phương để giải quyết các tồn tại, vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án, đặc biệt là công tác giao đất và bồi thường chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất. Phấn đấu hoàn thành trong năm 2022 để sớm ổn định cuộc sống cho nhân dân tái định cư và quyết toán toàn bộ dự án.

3. Công tác phát triển các dự án điện mới

Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án điện mới, đặc biệt ưu tiên tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các dự án thủy điện nhỏ trên các địa bàn lân cận như Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh. Trước mắt tập trung nghiên cứu phương án đầu tư vào Công ty cổ phần thủy điện Nậm Chiến và sẽ báo cáo Quý các Cổ đông xem xét quyết định.

II. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022

Các chỉ tiêu chính trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty như sau:

➤ Sản lượng điện thương mại	: 630,83	Tr. kWh
➤ Các chỉ tiêu tài chính		
- Vốn điều lệ	: 2.352,32	Tỷ đồng
- Tổng doanh thu	: 680,622	Tỷ đồng
+ <i>Doanh thu sản xuất điện (chưa bao gồm thuế, phí)</i>	: 587,339	Tỷ đồng
+ <i>Doanh thu tài chính</i>	: 2,400	Tỷ đồng
+ <i>Thuế tài nguyên nước; phí DVMTR; phí cấp quyền khai thác nước mặt</i>	: 90,882	Tỷ đồng
- Tổng chi phí	: 591,987	Tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế TNDN	: 88,634	Tỷ đồng
- Thuế TNDN (5%)	: 4,432	Tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	: 84,203	Tỷ đồng
➤ Đào tạo (164 lượt người)	: 1,095	Tỷ đồng
➤ Giá thành (bao gồm thuế phí)	: 938,43	đồng/kWh
➤ Nộp ngân sách nhà nước	: 163,136	Tỷ đồng
➤ Lao động	: 117	Người
Tổng quỹ tiền lương, thưởng vận hành và các khoản nộp theo lương (<i>Quỹ tiền lương, thưởng vận hành tạm tính và sẽ được chính xác sau khi Tổng Công ty có nghị quyết giao riêng</i>).	: 43,504	Tỷ đồng
➤ Năng suất lao động bình quân	: 1.149,584	Tr.đ.ng/năm

III. Giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022

1. Giải pháp trong sản xuất kinh doanh điện

Để khai thác tối ưu hiệu quả của nguồn nước, vận hành nhà máy liên tục và an toàn, hoạt động hiệu quả trên thị trường điện cạnh tranh, Công ty luôn chú trọng tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp như sau:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời hệ thống thiết bị để đảm bảo các tổ máy luôn khả dụng, hoạt động tin cậy và an toàn.

- Thường xuyên tổng hợp tin tức, dự báo khí tượng thủy văn của các cơ quan chuyên ngành để dự báo lưu lượng nước về hồ, phục vụ lập kế hoạch chào giá, phát điện cho phù hợp, khai thác tối đa hiệu quả của nguồn nước và công suất các tổ máy.

- Thống kê, tổng hợp, phân tích diễn biến giá thị trường để lập kế hoạch chào giá nhằm tối ưu hóa doanh thu và lợi nhuận.

- Đàm phán, thương thảo với EVN/EPTC để thỏa thuận sản lượng điện hợp đồng (Qc) năm, tháng phù hợp với tình hình thị trường và điều kiện thực tế của nhà máy.

- Chủ động, linh hoạt trong quá trình vận hành nhà máy trên thị trường điện cạnh tranh.

- Phối hợp tốt với EVN/EPTC/A0 để vận hành phát điện, lập hồ sơ thanh toán và thu hồi kịp thời tiền bán điện hàng tháng đảm bảo cân đối được dòng tiền đáp ứng kế hoạch trả nợ và sản xuất kinh doanh.

2. Giải pháp cân đối dòng tiền

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm. Chỉ thực hiện những hạng mục thực sự cần thiết, mang lại hiệu quả cho Công ty.

- Tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng, đối tác để giảm lãi suất tiền vay, cơ cấu lại các khoản nợ và huy động nguồn vốn từ các tổ chức/cá nhân phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Giải pháp trong công tác đầu tư

Tập trung cao độ, phối hợp với chính quyền địa phương để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án, đặc biệt là công tác giao đất và bồi thường chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp. Phân đấu hoàn thành trong năm 2022 để sớm ổn định cuộc sống cho nhân dân tái định cư và quyết toán toàn bộ dự án.

Phần C:

KIẾN NGHỊ

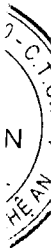
Để hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022; đảm bảo đời sống, thu nhập cho người lao động; phù hợp với xu hướng và chiến lược phát triển của Công ty. Ban giám đốc Công ty kính đề nghị Quý Cổ đông xem xét hỗ trợ Công ty một số nội dung như sau:

1. Kiểm tra, hỗ trợ Công ty trong quá trình vận hành sản xuất, đặc biệt về kỹ thuật vận hành, sửa chữa và an toàn, phòng chống cháy nổ trong sản xuất điện.

2. Tiếp tục hỗ trợ, giúp đỡ Công ty làm việc với các Bộ ngành, UBND tỉnh Nghệ An, UBND huyện Quế Phong để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc còn lại trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

3. Hiện nay, tình hình tài chính của Công ty đang gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của diễn biến thời tiết bất lợi (từ năm 2019-2021) dẫn đến doanh thu bán điện bị sụt giảm, đặc biệt trong năm 2022 tổng nợ gốc và lãi vay phải trả cho các tổ chức tín dụng là 598,67 tỷ đồng. Vì vậy, Công ty kính đề nghị trong năm 2022 tạm thời chưa chia cổ tức cho các Cổ đông, tập trung nguồn tiền để ưu tiên trả nợ cho các tổ chức tín dụng theo các hợp đồng đã ký.

4. Kính đề nghị các Cổ đông xem xét thông qua các nội dung: Kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty năm 2022; Kế hoạch tài chính của Công ty năm 2022; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021; Lựa chọn đơn vị kiểm toán tài chính năm 2022;theo các hồ sơ đã trình Đại hội đồng Cổ đông.



5. Xem xét, hỗ trợ và thông qua chủ trương cho PVPower HHC tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án thủy điện nhỏ trên các địa phương lân cận (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh), ký kết các hợp đồng nhận dịch vụ sửa chữa, đào tạo, vận hành với các nhà máy thủy điện nhỏ trên địa bàn các tỉnh lân cận và khu vực thượng nguồn Sông Chu.

Trên đây là báo cáo tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021; các nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022. Ban giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na kính báo cáo Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Các Phó giám đốc (để t/h);
- Các Phòng ban/Phân xưởng (để t/h);
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC

Trịnh Bảo Ngọc



CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN HÒA NA

SỐ 02 /2022/HHC-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 11 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO
CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2022

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na và Kế hoạch Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2022, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na (BKS) kính báo cáo quý vị Cổ đông về kết quả công tác năm 2021 của Ban Kiểm soát như sau:

I. Các căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na được sửa đổi lần 11 ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCĐ-HHC ngày 15/4/2021;
- Quy chế làm việc của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na số 06/QĐ-BKS-HHC ngày 22/4/2021;
- Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2021 của Công ty.

II. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021.

1. Nhân sự và kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na năm 2021 gồm các thành viên:

- | | |
|---------------------------|------------------------|
| - Bà Trần Thị Thu Hà | - Trưởng ban Kiểm soát |
| - Ông Văn Tuấn Thạch | - Kiểm soát viên |
| - Bà Hoàng Thị Thu Nguyệt | - Kiểm soát viên |

Căn cứ theo nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát quy định trong Điều lệ Công ty, Quy chế làm việc của Ban kiểm soát và chương trình công tác đã được thông qua tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) Công ty năm 2021, trong năm 2021 Ban Kiểm soát đã tiến hành một số công tác chính sau đây:

- Báo cáo ĐHĐCĐ thường niên của Công ty về hoạt động của BKS; kết quả giám sát về tình hình hoạt động, việc thẩm định BCTC và Kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả giám sát HĐQT, Giám đốc và cán bộ quản lý trong việc quản trị và điều hành công ty.

- Tham gia các buổi họp của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty, và có ý kiến về những vấn đề có liên quan đến hoạt động của Công ty thuộc phạm vi và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.

- Thẩm định Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021.

2. Phân công nhiệm vụ:

2.1 Bà Trần Thị Thu Hà - Trưởng ban Kiểm soát:

- Phụ trách tổng hợp chung các công việc của Ban kiểm soát và các vấn đề liên quan đến việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT; việc ban hành và thực hiện các hợp đồng; tổ chức bộ máy, tổ chức nhân sự, công tác tuyển dụng và sử dụng lao động; tình hình phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ; công tác kiểm toán độc lập;

- Lập kế hoạch, triển khai công tác, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát;

- Kiểm soát số liệu về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh định kỳ hàng tháng, quý của Công ty, thay mặt Ban kiểm soát ký báo cáo, báo cáo trước HĐQT và Đại hội đồng cổ đông Công ty.

2.2 Ông Văn Tuấn Thạch – Kiểm soát viên:

- Phụ trách các vấn đề liên quan đến chi phí hoạt động của Công ty, công tác xây lắp, sửa chữa, áp dụng các định mức tiêu hao, định mức chi phí, Quản lý công nợ phải thu, phải trả; quyết toán vốn dự án;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban phân công.

2.3 Bà Hoàng Thị Thu Nguyệt – Kiểm soát viên:

- Phụ trách các vấn đề liên quan đến đánh giá hiệu quả sử dụng vốn doanh nghiệp.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban phân công.

3. Tự đánh giá kết quả hoạt động của từng – Kiểm soát viên:

Trên cơ sở quyền và nhiệm vụ đã được quy định tại Điều lệ Công ty, với kết quả hoạt động đạt được. BKS tự đánh giá như sau:

- Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty và Quy chế làm việc của Ban kiểm soát.

- Ban kiểm soát đã phát huy tốt chức năng của mình trong việc giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản trị và điều hành Công ty.

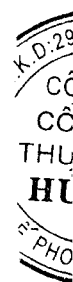
- Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin, xin ý kiến các Kiểm soát viên nhằm thảo luận thống nhất các vấn đề liên quan đến việc thực thi chức trách, nhiệm vụ của mình.

- Các Kiểm soát viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, theo sát tình hình hoạt động của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro, tiềm tàng, đề xuất các giải pháp khắc phục.

4. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

- Các khoản thù lao của BKS được chi trả tuân thủ các quy định của pháp luật về tiền lương và được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

+ Trưởng BKS chuyên trách hưởng lương theo Quy chế trả lương và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty;



+ Thành viên BKS kiêm nhiệm: 4.000.000 đồng/người/tháng.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tháng	Thù lao trong năm
1	Trần Thị Thu Hà	Trưởng BKS	12	815.709.041
2	Văn Tuấn Thạch	TV BKS	12	56.000.000
3	Hoàng Thị Minh Nguyệt	TV BKS	12	56.000.000
	Tổng cộng			927.709.041

- Các khoản chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban KS được chi trả tuân thủ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên đã được thông qua và quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.

III. Kết quả kiểm tra, giám sát:

1. Thẩm định Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2021, Công ty đã vận hành nhà máy điện an toàn, sản lượng điện thực hiện được 563,31/625,20 triệu kWh, đạt 90,10% so với kế hoạch, và đạt 99,38% so với năm 2020.

Tỷ lệ doanh thu, chi phí, lợi nhuận thực hiện năm 2021 so với 2020 và so với kế hoạch năm 2021 như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Tỷ lệ %	
A	B	(1)	(2)	(3)	(4=3/1)	(5=3/2)
I	Sản lượng điện	566,83	625,20	563,31	99,38%	90,10%
II	Tổng doanh thu	606,06	685,49	695,83	114,81%	101,51%
1	Doanh thu bán hàng và CCDV	604,20	683,09	691,11	114,38%	101,17%
2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	1,47	2,40	4,66	317,01%	194,17%
3	Thu nhập khác	0,39	-	0,06	15,38%	-
III	Tổng chi phí	570,59	616,74	557,25	97,66%	90,35%
1	Chi phí sản xuất điện	435,21	494,77	450,58	103,53%	91,07%
2	Chi phí tài chính	135,08	121,97	104,98	77,72%	86,07%
3	Chi phí khác	0,30	-	1,69	563,33%	-
IV	Lợi nhuận trước thuế TNDN	35,47	68,75	138,57	390,67%	201,56%
	Thuế TNDN	1,94	3,44	7,20	371,13%	209,30%
V	Lợi nhuận sau thuế	33,53	65,31	131,37	391,80%	201,15%
VI	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	135,27	161,90	162,92	120,44%	100,63%
VII	Giá thành (VNĐ/1kWh)	135,27	161,90	162,92	120,44%	100,63%

Năm 2021 Sản lượng điện không đạt theo kế hoạch được duyệt do điều kiện khí tượng thủy văn không thuận lợi, tuy nhiên Công ty đã hoàn thành chỉ tiêu doanh thu (101,51%), hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận (201,15%) theo kế hoạch được thông qua ĐHĐCĐ tại Nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2022.

Ban kiểm soát đề nghị Ban lãnh đạo Công ty tiếp tục duy trì và tăng cường việc quản trị chi phí và có chiến lược điều tiết hồ chứa, khai thác tối ưu hiệu quả của nguồn nước để đảm bảo thực hiện tốt nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022.

2. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty:

- Cơ cấu vốn và tài sản tại thời điểm 31/12/2021:

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kì	Số đầu năm	Tỷ lệ (5=3/4)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	334.054.565.645	287.700.102.413	116,11%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	170.608.725.829	73.971.681.803	230,64%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	137.299.011.092	189.039.017.682	72,63%
IV. Hàng tồn kho	140	24.913.220.284	24.271.040.256	102,65%
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	1.233.608.440	418.362.672	294,87%
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	3.551.349.757.025	3.823.813.005.427	92,87%
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-	
II. Tài sản cố định	220	3.508.002.119.065	3.787.480.070.147	92,62%
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	35.404.690.088	24.842.057.116	142,52%
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-	
VI. Tài sản dài hạn khác	260	7.942.947.872	11.490.878.164	69,12%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	3.885.404.322.670	4.111.513.107.840	94,50%
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	1.103.440.714.048	1.456.593.185.294	75,75%
I. Nợ ngắn hạn	310	609.628.153.491	634.258.175.859	96,12%
II. Nợ dài hạn	330	493.812.560.557	822.335.009.435	60,05%
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	2.781.963.608.622	2.654.919.922.546	104,79%
I. Vốn chủ sở hữu	410	2.781.963.608.622	2.654.919.922.546	104,79%
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	3.885.404.322.670	4.111.513.107.840	94,50%

- Một số chỉ tiêu tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2020
1	Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1,05	1,05

2	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	4,7%	1,3%
3	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,51	0,42
4	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	0,55	0,45

Báo cáo tài chính số: 02/2022/BCSXKT –AVI-TC1 của Công ty được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt lập vào ngày 25/01/2022, theo báo cáo, nội dung đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả kinh doanh và hoạt động lưu chuyển tiền tệ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định về kế toán có liên quan tại Việt Nam.

3. Giám sát một số hoạt động của Công ty:

3.1 Về công tác quyết toán vốn dự án:

- Quyết toán giai đoạn 1: Quyết toán dự án hoàn thành nhà máy thủy điện Hòa Na (giai đoạn 1) với giá trị là: 6.474,33 tỷ đồng/7.092,3 tỷ đồng TMĐT (bao gồm thuế GTGT) đã được các cổ đông chấp thuận phê duyệt.

- Quyết toán phần còn lại: Công ty đã hoàn thành quyết toán vốn bổ sung đến 28/2/2019 đạt 190,08 tỷ đồng, giá trị còn lại khoảng 65,7 tỷ đồng thuộc các hạng mục bồi thường tái định cư có liên quan đến các khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chủ trương chính sách của Nhà nước và địa phương nên chưa hoàn thành.

Trong thời gian tới, đề nghị Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na tiếp tục tập trung phối hợp với các cấp chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan để thực hiện theo quy định và báo cáo sau khi hoàn thành đối với phần còn lại này.

3.2 Công tác huy động vốn, sử dụng vốn và cân đối dòng tiền:

Tình hình thực hiện các hợp đồng tín dụng đến 31/12/2021:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Hợp đồng	Lũy kế số đã giải ngân	Lũy kế số đã trả gốc đến 31/12/2021	Dư nợ đến 31/12/2021	Dự kiến Số gốc và lãi vay phải trả trong năm 2022
1	HĐ tín dụng số 124.12/HĐTD/II ngày 17/12/2012 (NHAB)	200.000,00	130.000,00	70.000,00	25.237,89
2	HĐ tín dụng số 182/16/TD-TT/II ngày 21/01/2016 (NHAB)	300.000,00	125.015,44	174.984,56	55.389,10
3	HĐ tín dụng số 09.001.286688.TD ngày 18/8/2009 (NHQĐ)	328.784,00	182.792,11	145.991,89	96.653,71
4	HĐ tín dụng số 12.08.005/HĐTD-HUANA ngày 05/3/2012 (NHVTB)	359.535,12	269.640,00	89.895,12	44.464,57

5	HĐ tín dụng số 382/2008/HĐTĐĐT-NHPT ngày 16/10/2008	2.240.000,00	1.898.913,77	341.086,23	356.004,68
6	HĐ tín dụng số 68/2011/HĐTĐĐT-NHPT ngày 19/10/2011	411.000,00	411.000,00	-	
7	HĐ tín dụng số MMD202113392590/HĐT D ngày 25/05/2021	45.569,42	-	45.569,42	6.570,76
8	Trái phiếu	150.000,00	-	150.000,00	14.350,00
	Tổng cộng	4.034.888,54	3.017.361,32	1.017.527,22	598.670,70

Dư nợ tại 31/12/2021 là 1.017.527,32 triệu đồng, các khoản vay dài hạn của Công ty hiện đang áp dụng mức lãi suất giao động từ khoảng 6.9% - 10.5%/năm (Lãi suất 6.9% là lãi suất ưu đãi vay của VDB Nghệ An), tỷ trọng dư nợ của công ty được huy động với lãi suất tương đối tốt ~8.35%.

Tại 31/12/2021, số dư tiền gửi của Công ty còn 170,79 tỷ đồng. Việc sử dụng nguồn tiền mặt nhân rồi giữa các kỳ thanh toán gốc lãi vay, công ty đã thực hiện điều phối khá hiệu quả, với việc duy trì mức tiền gửi không kỳ hạn phù hợp cho các hoạt động chi thường xuyên, phần còn lại gửi hợp đồng có kỳ hạn.

Theo kế hoạch trả nợ của các hợp đồng tín dụng, áp lực trả nợ gốc và lãi vay đối với Công ty trong năm 2022 là rất lớn (598,67 tỷ đồng), cộng thêm kết quả kinh doanh phụ thuộc nhiều vào yếu tố thủy văn, Ban kiểm soát đề nghị Ban lãnh đạo Công ty tính toán cân đối dòng tiền để kịp thời có các phương án huy động vốn/giãn nợ phù hợp nhằm tránh các rủi ro thanh khoản cho Công ty và đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

3.3 Tình hình vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, bảo trì Nhà máy:

Công tác vận hành: Năm 2021 nhà máy vận hành cơ bản an toàn, đáp ứng theo kế hoạch huy động điện của Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia. Tuy nhiên trong kỳ sửa chữa lớn tổ máy H2, ngày 20/5/2021 đã để xảy ra sự cố vận hành viên thao tác nhầm (cắt Dao cách ly 272-7 khi đang mang điện; đóng Dao tiếp địa 272-74 khi thanh cái C22 đang mang điện) dẫn đến bảo vệ tác động, máy cắt 272 trạm GIS đường dây 220kV Hủa Na – Đồng Văn nhảy. Sau khi xảy ra sự cố, PV Power HHC đã nhanh chóng phối hợp với các đơn vị thi công, Trung tâm Điều độ hệ thống điện miền Bắc để kiểm tra, thí nghiệm lại khí SF6 khoang chứa và điện trở tiếp xúc của DCL 272-7, DTĐ 272-74, đạt yêu cầu kỹ thuật và đưa thiết bị vào vận hành an toàn. Đến hiện tại Công ty chưa ghi nhận những thiệt hại về tài chính và phi tài chính gây ra từ sự cố này.

- Công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ (đại tu) năm 2021:
- + Tổ máy H1: 24/3/2021 - 25/4/2021, hoàn thành trước tiến độ 03 ngày.
- + Tổ máy H2: 03/5/2021 - 03/6/2021, hoàn thành trước tiến độ 03 ngày.

Sau kỳ bảo dưỡng, sửa chữa 02 tổ máy được đưa vào vận hành an toàn, hiệu quả.

Đánh giá chung: Công tác quản lý vận hành, bảo trì năm 2021 đã được Công ty thực hiện kịp thời, đảm bảo an toàn cho Nhà máy. Tuy nhiên, BKS lưu ý Công ty xem xét chỉnh sửa quy trình vận hành hệ thống điện/thiết bị điện, thực hiện đúng quy định về Phiếu/lệnh công tác và Phiếu thao tác đối với toàn bộ CBCNV thuộc Phân xưởng VHSC.

4. Thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty:

4.1 Tình hình hoạt động của HĐQT:

Năm 2021, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty đã tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 15/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2021, thực hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm trong chỉ đạo/quản lý/điều hành, kiểm tra/giám sát hoạt động của Ban điều hành.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo xây dựng và phê duyệt các kế hoạch, nghị quyết, quyết định quan trọng với các chương trình, giải pháp cụ thể. Trong năm 2021, HĐQT đã ban hành 10 Nghị quyết và 45 Quyết định liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT Công ty đã kịp thời và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

4.2 Kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm:

- Trong năm 2021, Giám đốc Công ty và các thành viên trong Ban điều hành đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các Quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty.

- Giám đốc Công ty đã chỉ đạo triển khai đầy đủ, kịp thời, tuân thủ các nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của Hội đồng quản trị; xây dựng cơ chế làm việc dân chủ, công khai, phân cấp phân quyền cụ thể cho từng thành viên trong Ban điều hành để mỗi người có thể phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo và chịu trách nhiệm trong lĩnh vực công tác được giao phụ trách.

Công tác ban hành các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, Giám đốc Công ty nhìn chung phù hợp với Quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, phù hợp với các quy định phân cấp theo thẩm quyền.

5. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty và các cổ đông:

Ban kiểm soát đã chủ động xây dựng kế hoạch trình ĐHĐCĐ thông qua làm cơ sở thực hiện và chủ động triển khai thực hiện kế hoạch tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ của Công ty, điều lệ của Ban kiểm soát. Thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của mình một cách độc lập, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát.

Thực hiện chế độ báo cáo ĐHĐCĐ, công bố thông tin theo đúng quy định hiện hành. Tuyệt đối bảo vệ quyền lợi của các cổ đông, thông tin báo cáo tới ĐHĐCĐ một cách trung thực, cân trọng, chính xác. Trong năm không phát sinh bất cứ yêu cầu nào từ các cổ đông về các hoạt động kiểm soát bất thường.

7974
G T
'HÀ
ĐIE
. N.
3.T.N

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

6. Kết quả kiểm tra, thanh tra trong kỳ của các cơ quan chức năng Nhà nước:

Công ty đã thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước theo Thông báo kết quả kiểm toán số 221/TB-KTNN ngày 18/8/2020 của đoàn Kiểm toán Nhà nước. Hiện còn một số vướng mắc trong công tác Bồi thường hỗ trợ tái định cư, Công ty đang chờ các cấp có thẩm quyền hướng dẫn phương án giải quyết dẫn đến Công tác quyết toán giá trị bổ sung giai đoạn 2 dự án Nhà máy thủy điện Hòa Na chưa hoàn thành.

Đề nghị Công ty phối hợp với các cấp chính quyền địa phương để thống nhất phương án thực hiện đảm bảo tránh các rủi ro về pháp lý trong quá trình triển khai, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người dân bị ảnh hưởng bởi dự án Thủy điện Hòa Na cũng như đảm bảo hài hòa lợi ích các bên liên quan, sau đó tiến hành quyết toán phần vốn dự án hoàn thành còn lại theo đúng quy định.

7. Báo cáo rà soát, đánh giá về Giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan:

Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na hiện không có Công ty con, và Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ đối với bất kỳ Công ty nào. Năm 2021 không phát sinh giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

IV. Đề xuất và kiến nghị của Ban kiểm soát:

Đề tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro, đảm bảo các hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh của Công ty an toàn và hiệu quả cao. Ban kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc khẩn trương xem xét chỉ đạo, tập trung xử lý các nội dung:

1. Vận hành Nhà máy an toàn, chủ động thực hiện công tác điều tiết hồ chứa, chào giá linh hoạt trên thị trường, cân đối các khoản chi phí; ... phấn đấu hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận theo Kế hoạch SXKD 2022 đã phê duyệt.

2. Tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc điều chỉnh lãi suất cho vay, kịp thời có các phương án huy động vốn/giãn nợ phù hợp nhằm tránh các rủi ro thanh khoản cho Công ty, đảm bảo cân đối dòng tiền, ổn định sản xuất kinh doanh.

3. Hoàn thiện các thủ tục liên quan để hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cho nhà máy trong năm 2022.

4. Đối với công tác Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: phối hợp với các bên liên quan để hoàn thành công tác đền bù tái định cư, định cư trên cơ sở đảm bảo đúng các quy định hiện hành và tổng chi phí thực hiện không vượt quá TMĐT hiệu chỉnh lần 3 đã được duyệt. Trên cơ sở đó hoàn thành nội dung kiến nghị còn lại chưa được giải quyết tại Thông báo kết quả kiểm toán số 221/TB-KTNN ngày 18/8/2020 của Kiểm toán Nhà nước.

V. Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát:

1. Tiếp tục thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát đã được qui định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; quy chế tổ chức và hoạt động của BKS về việc kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của công ty trong việc chấp hành các quy định của pháp luật; điều lệ công ty, các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT và các quy chế, quy định của công ty.

2. Thực hiện thăm định báo cáo tài chính 6 tháng, báo cáo năm. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, hoạt động quyết toán dự án để kịp thời phát hiện các tồn tại, rủi ro trong quá trình hoạt động.

3. Thực hiện công tác theo dõi, kiểm soát công tác quản lý, vận hành sản xuất kinh doanh điện của Công ty trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty đã được thông qua.

4. Tham gia vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị và trực tiếp xem xét, thẩm định và có ý kiến đối với một số vấn đề cụ thể theo yêu cầu của các cổ đông hoặc Hội đồng quản trị.

5. Thực hiện chế độ các báo cáo định kỳ theo đúng các quy chế/ quy định hiện hành.

Trên cơ sở kết quả công tác trong năm 2021, Ban Kiểm soát trình Đại hội Cổ đông báo cáo của mình và xin tiếp thu các ý kiến tham gia của Quý vị Cổ đông. Ban Kiểm soát xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm của Quý vị Cổ đông và sự hợp tác của HĐQT, Ban Điều hành Công ty giúp Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Trân trọng ./.

Nơi gửi :

- Như trên;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trần Thị Thu Hà



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Nghệ An, tháng 01 năm 2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÁ

M.S.D

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch
Ông Trịnh Bảo Ngọc	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Ủy viên
Ông Lê Hải Long	Ủy viên
Ông Vũ Văn Tâm	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Bảo Ngọc	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Phó giám đốc
Ông Bùi Huy Thành	Phó giám đốc
Ông Đoàn Văn Trường	Phó giám đốc (từ ngày 01/06/2021)
Ông Nguyễn Trọng Thạch	Phó giám đốc (từ ngày 16/11/2021)
Ông Trần Văn Biên	Phó Giám đốc (đã nghỉ hưu từ ngày 01/06/2021)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Trình bày và đại diện Ban Giám đốc,



Nghệ An, ngày 25 tháng 01 năm 2022

Số: 02 /2022/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25/01/2022, từ trang 5 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

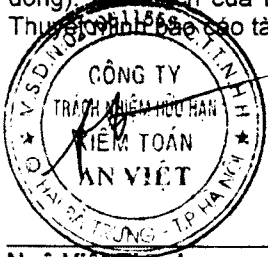
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2021, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt tài sản ngắn hạn số tiền khoảng 275,57 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2020 khoảng 346,56 tỷ đồng). Kế hoạch của Ban giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính.



Ngô Việt Thanh
Phó Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1687-2018-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2022

Nguyễn Hoàng Việt
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 4988-2019-055-1

17/17

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		334.054.565.645	287.700.102.413
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	170.608.725.829	73.971.681.803
1. Tiền	111		70.608.725.829	28.971.681.803
2. Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	45.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		137.299.011.092	189.039.017.682
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	134.437.393.128	175.778.987.902
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.115.083.994	2.735.010.129
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	746.533.970	10.525.019.651
III. Hàng tồn kho	140		24.913.220.284	24.271.040.256
1. Hàng tồn kho	141	10	24.913.220.284	24.271.040.256
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.233.608.440	418.362.672
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	240.074.193	201.900.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		993.534.247	216.462.672
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.551.349.757.025	3.823.813.005.427
I. Tài sản cố định	220	14	3.508.002.119.065	3.787.480.070.147
1. Tài sản cố định hữu hình	221		3.508.002.119.065	3.787.480.070.147
- Nguyên giá	222		5.863.949.544.217	5.859.101.871.407
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.355.947.425.152)	(2.071.621.801.260)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	35.404.690.088	24.842.057.116
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		35.404.690.088	24.842.057.116
III. Tài sản dài hạn khác	260		7.942.947.872	11.490.878.164
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	976.288.560	3.905.154.264
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		6.966.659.312	7.585.723.900
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.885.404.322.670	4.111.513.107.840

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.103.440.714.048	1.456.593.185.294
I. Nợ ngắn hạn	310		609.628.153.491	634.258.175.859
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	33.142.423.453	79.563.897.579
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.816.915	1.816.915
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.886.569.388	2.009.919.663
4. Phải trả người lao động	314		15.551.289.360	8.411.191.791
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	14.827.375.326	18.931.109.701
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	16.088.005.942	23.457.920.621
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	522.091.907.371	494.398.678.560
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.038.765.736	7.483.641.029
II. Nợ dài hạn	330		493.812.560.557	822.335.009.435
1. Phải trả dài hạn khác	337	13	377.248.003	377.208.152
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	493.435.312.554	821.957.801.283
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.781.963.608.622	2.654.919.922.546
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	2.781.963.608.622	2.654.919.922.546
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.352.322.103.444	2.352.322.103.444
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.352.322.103.444	2.352.322.103.444
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		64.985.781.295	64.985.781.295
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.318.667.089	12.362.677.907
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		352.337.056.794	225.249.359.900
- Lũy kế đến cuối năm trước	421a		220.963.899.900	191.719.824.112
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		131.373.156.894	33.529.535.788
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.885.404.322.670	4.111.513.107.840

Nghệ An, ngày 25 tháng 01 năm 2022

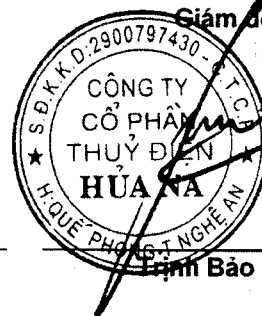
Người lập

Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Kế toán trưởng

Võ Trung Chính

Giám đốc



Lâm Bảo Ngọc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

MẪU SỐ B02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm 2021	Năm 2020
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	691.109.131.943	604.196.230.759
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		691.109.131.943	604.196.230.759
4. Giá vốn hàng bán	11	21	426.109.546.667	412.295.456.435
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		264.999.585.276	191.900.774.324
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		4.658.027.949	1.471.559.924
7. Chi phí tài chính	22	22	104.980.687.692	135.084.946.761
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		102.638.348.354	133.915.535.852
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	24.468.997.926	22.910.461.735
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		140.207.927.607	35.376.925.752
11. Thu nhập khác	31		58.201.306	387.980.698
12. Chi phí khác	32	24	1.691.076.169	298.869.861
13. Lợi nhuận khác	40		(1.632.874.863)	89.110.837
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		138.575.052.744	35.466.036.589
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	7.201.895.850	1.936.500.801
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		131.373.156.894	33.529.535.788
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	558	124

Nghệ An, ngày 25 tháng 01 năm 2022

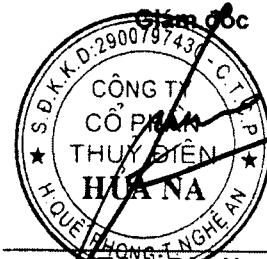
Người lập

Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Kế toán trưởng

Võ Trung Chính

Giám đốc



Trần Bảo Ngọc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	138.575.052.744	35.466.036.589
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	284.043.007.542	282.752.335.096
- Các khoản dự phòng	03	-	(120.496.773)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.658.027.949)	(1.471.559.924)
- Chi phí lãi vay	06	103.638.348.354	133.915.535.852
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	521.598.380.691	450.541.850.840
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	51.043.866.522	(142.584.288.736)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(23.115.440)	(826.980.267)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(12.495.088.648)	4.583.080.350
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	2.890.691.511	5.154.342.241
- Tiền lãi vay đã trả	14	(105.930.218.448)	(136.854.630.337)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.423.284.438)	(3.196.884.569)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	25.380.000	23.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.517.109.761)	(2.958.534.371)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	444.169.501.989	173.880.955.151
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(53.280.294.487)	(13.700.205.531)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.577.096.442	1.385.244.855
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(48.703.198.045)	(12.314.960.676)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	95.730.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	232.283.572.178	126.208.864.834
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(531.112.832.096)	(430.244.240.659)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(298.829.259.918)	(208.305.375.825)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	96.637.044.026	(46.739.381.350)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	73.971.681.803	120.711.063.153
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	170.608.725.829	73.971.681.803

Nghệ An, ngày 25 tháng 01 năm 2022

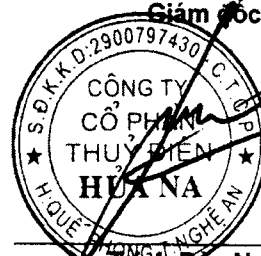
Người lập

Nguyễn Phan Mạnh Hiện

Kế toán trưởng

Võ Trung Chính

Giám đốc



Trần Bảo Ngọc

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (gọi tắt "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900797430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 16/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 30/06/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh là 2.352.322.100.000 đồng tương ứng với 235.232.210 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch tại sàn chứng khoán Upcom với mã cổ phiếu là HNA.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: sản xuất, mua bán điện năng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Cho thuê văn phòng;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành điện;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Xây dựng nhà để ở. Chi tiết: Đầu tư xây dựng nhà để ở ở;
- Xây dựng nhà không để ở. Chi tiết: Đầu tư xây dựng văn phòng, trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra, đo lường, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị Nhà máy thủy điện;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy thủy điện.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Hòa Na.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Tại ngày 31/12/2021, nợ ngắn hạn của Công ty vượt tài sản ngắn hạn số tiền khoảng 275,57 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2020 khoảng 346,56 tỷ đồng). Để đảm bảo khả năng thanh toán, Ban Giám đốc Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh hợp lý, phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm và huy động từ các nguồn vốn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng báo cáo tài chính này được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán được trích lập phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản cụ thể như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị quản lý	03 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định khác phục sự cố có giá trị lớn và các khoản trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian không quá 36 tháng kể từ thời điểm phát sinh. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm tài chính do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí phải trả các nhà thầu và chi phí hoạt động khác.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả phản ánh dự phòng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định nhà máy thủy điện Hủa Na. Các khoản dự phòng phải trả hàng kỳ được ghi nhận dựa trên cơ sở ước tính của Công ty về tổng giá trị các khoản phí cần thiết để thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa cho mỗi chu kỳ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định là 48 tháng và phân bổ đều cho số tháng thực hiện. Chi phí thực tế bỏ ra để thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định phát sinh trong kỳ được hạch toán giảm vào số dự phòng phải trả.

Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: các khoản đi vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận căn cứ vào biên bản tổng hợp giao nhận điện năng giữa Công ty và Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu được ghi nhận bao gồm các khoản thuế tài nguyên nước, phí bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt tính trong giá quyết toán hàng tháng với Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng chung Tổng Công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tiền mặt	187.867.958	104.087.508
Tiền gửi ngân hàng	70.420.857.871	28.867.594.295
Các khoản tương đương tiền (i)	100.000.000.000	45.000.000.000
Cộng	<u>170.608.725.829</u>	<u>73.971.681.803</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc là 01 tháng, lãi suất từ 3,75%/năm đến 4%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	134.432.889.709	175.774.484.483
Các khách hàng khác	4.503.419	4.503.419
Cộng	<u>134.437.393.128</u>	<u>175.778.987.902</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Công ty CP Tư vấn Xây dựng công trình Thăng Long	323.301.900	323.301.900
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Kiểm định xây dựng Miền Trung	545.081.407	545.081.407
Công ty TNHH MTV Lũng Lô 3	131.515.992	131.515.992
Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng giao thông Miền Tây	123.975.000	123.975.000
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Giao thông 4	-	355.959.662
Đoàn điều tra quy hoạch lâm nghiệp Nghệ An	143.359.757	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Tây An	-	500.000.000
Các nhà cung cấp khác	847.849.938	755.176.168
Cộng	<u>2.115.083.994</u>	<u>2.735.010.129</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỮA NA**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MÃ SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	-	9.918.390.287	-
Lãi dự thu	223.739.726	-	142.808.219	-
Tạm ứng	312.795.829	-	387.345.182	-
Ký quỹ ngắn hạn	25.782.000	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	184.216.415	-	76.475.963	-
Cộng	746.533.970	-	10.525.019.651	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	240.074.193	201.900.000
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	194.100.000	201.900.000
Chi phí bảo hiểm sản xuất, vận hành	45.974.193	-
Dài hạn	976.288.560	3.905.154.264
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	976.288.560	3.905.154.264

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	24.898.858.464	-	24.265.400.096	-
Công cụ, dụng cụ	14.361.820	-	5.640.160	-
Cộng	24.913.220.284	-	24.271.040.256	-

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí xây dựng công trình Nhà máy Thủy điện Hủa Na	26.190.106.820	21.190.593.539
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	4.370.454.845	-
Chi phí xây dựng khác	4.844.128.423	3.651.463.577
Cộng	35.404.690.088	24.842.057.116

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Lãi vay dự trả	10.434.875.204	10.726.745.298
Chi phí bảo hiểm phải trả	-	689.493.760
Chi phí phải trả nhà thầu	3.386.133.246	2.296.441.220
Chi phí phải trả khác	1.006.366.876	5.218.429.423
Cộng	<u>14.827.375.326</u>	<u>18.931.109.701</u>

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	16.088.005.942	23.457.920.621
Các loại thuế, phí tạm tính chưa kê khai (i)	15.755.799.330	22.632.187.437
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm	43.097.042	125.117.817
Các khoản phải trả, phải nộp khác	289.109.570	700.615.367
Dài hạn	377.248.003	377.208.152
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	377.248.003	377.208.152

- (i) Phản ánh số dự phải trả Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng tỉnh Nghệ An về các khoản phải nộp về thuế tài nguyên, thuế giá trị gia tăng, phí bảo vệ môi trường và phí cấp quyền sử dụng nước mặt mà Công ty tạm tính, chưa kê khai và nộp cho Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng tỉnh Nghệ An.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2021	4.499.893.813.693	1.344.127.123.215	9.474.236.234	5.606.698.265	5.859.101.871.407
Mua trong năm	-	-	-	161.604.500	161.604.500
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.686.068.310	-	-	-	4.686.068.310
Tại ngày 31/12/2021	<u>4.504.579.882.003</u>	<u>1.344.127.123.215</u>	<u>9.474.236.234</u>	<u>5.768.302.765</u>	<u>5.863.949.544.217</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2021	1.429.322.858.816	631.967.176.156	5.544.240.148	4.787.526.140	2.071.621.801.260
Khấu hao trong năm	183.375.025.784	100.159.411.361	460.962.360	330.224.387	284.325.623.892
Tại ngày 31/12/2021	<u>1.612.697.884.600</u>	<u>732.126.587.517</u>	<u>6.005.202.508</u>	<u>5.117.750.527</u>	<u>2.355.947.425.152</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2021	<u>3.070.570.954.877</u>	<u>712.159.947.059</u>	<u>3.929.996.086</u>	<u>819.172.125</u>	<u>3.787.480.070.147</u>
Tại ngày 31/12/2021	<u>2.891.881.997.403</u>	<u>612.000.535.698</u>	<u>3.469.033.726</u>	<u>650.552.238</u>	<u>3.508.002.119.065</u>
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng</i>	3.048.326.306	930.724.900	4.864.612.598	4.395.305.674	13.238.969.478

Như đã trình bày ở thuyết minh số 17 và 18 Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hòa Na để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán là các bên liên quan				
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	2.762.925.272	2.762.925.272	4.932.780.271	4.932.780.271
Công ty CP dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	700.562.682	700.562.682	162.319.523	162.319.523
Phải trả người bán khác				
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	3.980.051.210	3.980.051.210	20.026.382.739	20.026.382.739
Ban điều hành dự án Nhà máy thủy điện laly mở rộng - Chi nhánh Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	14.844.788.087	14.844.788.087	46.367.015.302	46.367.015.302
Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Sơn Lâm	1.023.019.781	1.023.019.781	-	-
Các nhà cung cấp khác	9.831.076.421	9.831.076.421	8.075.399.744	8.075.399.744
Cộng	33.142.423.453	33.142.423.453	79.563.897.579	79.563.897.579

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	67.521.139.057	67.521.139.057	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.936.500.801	7.201.895.850	6.423.284.438	2.715.112.213
Thuế thu nhập cá nhân	73.418.862	1.323.906.095	1.225.867.782	171.457.175
Thuế tài nguyên nước	-	54.425.984.745	54.425.984.745	-
Phí bảo vệ môi trường rừng	-	23.082.017.616	23.082.017.616	-
Phí cấp quyền sử dụng nước mặt	-	9.365.469.000	9.365.469.000	-
Các loại thuế, phí khác	-	4.065.000	4.065.000	-
Cộng	2.009.919.663	162.924.477.363	162.047.827.638	2.886.569.388

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - DN

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	50.000.000.000	50.000.000.000	36.714.153.536	86.714.153.536	-	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Nghệ An	50.000.000.000	50.000.000.000	36.714.153.536	86.714.153.536	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	444.398.678.560	444.398.678.560	522.091.907.371	444.398.678.560	522.091.907.371	522.091.907.371
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	66.553.678.560	66.553.678.560	85.053.678.560	66.553.678.560	85.053.678.560	85.053.678.560
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội (ii)	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Nghệ An (iii)	281.893.000.000	281.893.000.000	341.086.228.811	281.893.000.000	341.086.228.811	341.086.228.811
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội (iv)	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000
Cộng	494.398.678.560	494.398.678.560	558.806.060.907	531.112.832.096	522.091.907.371	522.091.907.371

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09 - DN**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN****18.1 Chi tiết vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Các khoản vay dài hạn (18.2)	345.435.312.554	821.957.801.283
Trái phiếu thường phát hành theo mệnh giá (18.3)	148.000.000.000	-
Cộng	493.435.312.554	821.957.801.283

18.2 Vay dài hạn

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	145.991.893.496	145.991.893.496	-	85.053.678.560	60.938.214.936	60.938.214.936
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội (ii)	244.984.560.000	244.984.560.000	-	60.000.000.000	184.984.560.000	184.984.560.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Nghệ An (iii)	341.086.228.811	341.086.228.811	-	341.086.228.811	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội (iv)	89.895.118.976	89.895.118.976	-	35.952.000.000	53.943.118.976	53.943.118.976
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (v)	-	-	45.569.418.642	-	45.569.418.642	45.569.418.642
Cộng	821.957.801.283	821.957.801.283	45.569.418.642	522.091.907.371	345.435.312.554	345.435.312.554

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09 - DN

Thông tin các hợp đồng vay của Công ty như sau:

TT	Ngân hàng	Số hợp đồng	Hạn mức (tỷ đồng)	Mục đích	Thời hạn	Lãi suất tại	
						31/12/2021	Tài sản đảm bảo
(i)	03 ngân hàng gồm Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	01.09.001.286688.TD ngày 18 tháng 8 năm 2009 và phụ lục số	328,78	Thanh toán một phần các chi phí đầu tư máy móc thiết bị thủy công, thủy lực (không bao gồm lãi vay trong thời gian xây dựng) của Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy Thủy điện	Từ năm 2015 đến năm 2024	10,50%	Toàn bộ công trình, quyền tài sản hình thành từ công trình và bảo lãnh của Tổng công ty Điện lực Đầu khí Việt Nam - CTCP
		01.09.001.286688.TD tháng 08 năm 2012					
(ii)	Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội	124.12/HĐTĐ/II ngày 17 tháng 12 năm 2012	200	Thanh toán các chi phí thi công của dự án đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Hủa Na	Từ năm 2015 đến năm 2024	8,36%	Máy móc, thiết bị, công trình xây dựng của dự án và bảo lãnh của Tổng công ty điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
		182/16/TĐ-TT/II ngày 21 tháng 01 năm 2016	300	Tài trợ các khoản chi phí tăng thêm sau khi điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Hủa	Từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 1 năm 2026	7,80%	Giá trị máy móc, thiết bị, công trình xây dựng của Dự án và bảo lãnh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
(iii)	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	382/2008/HĐTĐĐT ngày 16 tháng 10 năm 2008	2.240	Thực hiện đầu tư các hạng mục xây dựng và thiết bị của Dự án đầu tư Xây dựng công trình thủy điện Hủa Na	12 năm kể từ ngày rút vốn lần đầu vào tháng 03 năm	từ 6,9% đến 8,55%/năm vay	Các tài sản được hình thành từ vốn
(iv)	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà	12.08.005/HĐTĐ- HUANA ngày 05 tháng 03 năm 2012	371,216	Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ của Dự án đầu tư nhà máy Thủy điện Hủa Na	Từ năm 2014 đến năm 2024	10,50%	Tài sản hình thành trong tương lai của dự án và bảo lãnh của TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
(v)	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	MMD202113392590/ HĐTĐ ngày 25/05/2021	100	Trả nợ nhà thầu, thanh toán chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng (dự án thủy điện Hủa Na)	60 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên	từ 8,1% đến 8,2%	Bảo lãnh thanh toán của TCT điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower) và các tài sản bảo đảm khác được các bên thỏa thuận sử dụng đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ nợ tại

18.3 Trái phiếu

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá trị VND	Lãi suất %	Kỳ hạn/ phân bổ tháng	Giá trị VND	Lãi suất %	Kỳ hạn/ phân bổ tháng
Trái phiếu thường phát hành theo mệnh giá						
- Mệnh giá trái phiếu	150.000.000.000	9,9%	24	-	-	-
- Chi phí phát hành	(2.000.000.000)		24	-	-	-
Cộng	148.000.000.000			-		

Công ty phát hành 1.500.000 trái phiếu thường, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, giá bán bằng mệnh giá trái phiếu với kỳ hạn 02 năm từ ngày 28/04/2021 đến ngày 28/04/2023. Mục đích phát hành là để cơ cấu lại nguồn vốn vay. Lãi suất trái phiếu trong kỳ đầu tiên là 9,9%/năm, lãi suất các kỳ tiếp theo bằng 2,9% + trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tài khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng của 5 ngân hàng thương mại bao gồm: Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội nhưng không thấp hơn 9%/năm. Tiền lãi trái phiếu được trả định kỳ 6 tháng một lần kể từ ngày phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu là 3.000.000.000 đồng được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Chi phí phát hành chưa phân bổ tại ngày 31/12/2021 là 2.000.000.000 đồng.

10
 CÔ
 HN
 KIẾ
 AN
 17

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09 - DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020	2.256.592.103.444	64.985.781.295	5.792.700.882	205.035.933.812	2.532.406.519.433
Tăng vốn trong năm	95.730.000.000	-	6.834.009.700	(6.834.009.700)	95.730.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	33.529.535.788	33.529.535.788
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.482.100.000)	(6.482.100.000)
Giảm khác	-	-	(264.032.675)	-	(264.032.675)
Tại ngày 01/01/2021	2.352.322.103.444	64.985.781.295	12.362.677.907	225.249.359.900	2.654.919.922.546
Lãi trong năm	-	-	-	131.373.156.894	131.373.156.894
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(4.285.460.000)	(4.285.460.000)
Giảm khác	-	-	(44.010.818)	-	(44.010.818)
Tại ngày 31/12/2021	2.352.322.103.444	64.985.781.295	12.318.667.089	352.337.056.794	2.781.963.608.622

(i) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 15/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2021, theo đó:

- Trích quỹ khen thưởng người quản lý Công ty 354.060.000 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 3.931.400.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	1.898.727.600.000	80,72%	1.898.727.600.000	80,72%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	115.500.000.000	4,91%	115.500.000.000	4,91%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	105.000.000.000	4,46%	105.000.000.000	4,46%
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	87.200.270.000	3,71%	87.200.270.000	3,71%
Các cổ đông khác	145.894.230.000	6,20%	145.894.230.000	6,20%
Cộng	2.352.322.100.000	100%	2.352.322.100.000	100%

Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	235.232.210	235.232.210
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	235.232.210	235.232.210
- Cổ phiếu phổ thông	235.232.210	235.232.210
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	235.232.210	235.232.210
- Cổ phiếu phổ thông	235.232.210	235.232.210
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)	10.000	10.000

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán điện	608.952.009.279	521.732.022.921
Thuế tài nguyên nước, thuế bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác mặt nước	82.157.122.664	82.464.207.838
Cộng	691.109.131.943	604.196.230.759

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn sản xuất điện	343.952.424.003	329.831.248.597
Thuế tài nguyên nước, thuế bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác mặt nước	82.157.122.664	82.464.207.838
Cộng	426.109.546.667	412.295.456.435

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	102.638.348.354	133.915.535.852
Phí bảo lãnh các hợp đồng vay	1.342.339.338	1.169.410.909
Phí bảo lãnh phát hành trái phiếu	1.000.000.000	-
Cộng	104.980.687.692	135.084.946.761

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	18.435.104.763	15.664.309.502
Chi phí vật liệu quản lý	318.990.580	280.299.327
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.347.717.084	1.280.036.429
Thuế, phí và lệ phí	4.065.000	4.065.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.337.213.040	1.525.624.177
Chi phí khác bằng tiền	2.025.907.459	4.156.127.300
Cộng	24.468.997.926	22.910.461.735

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản nhà máy	1.532.074.745	-
Chi phí khác	159.001.424	298.869.861
Cộng	1.691.076.169	298.869.861

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.451.903.101	7.940.410.274
Chi phí nhân công	43.996.677.577	37.793.955.717
Chi phí khấu hao tài sản cố định	284.043.007.542	282.752.335.096
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.793.051.308	16.996.910.604
Chi phí thuế tài nguyên, phí môi trường nung và phí cấp quyền sử dụng nước mặt	82.157.122.664	82.464.207.838
Chi phí khác bằng tiền	7.136.782.401	7.258.098.641
Cộng	450.578.544.593	435.205.918.170

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	138.575.052.744	35.466.036.589
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được trừ</i>	5.462.864.250	3.263.979.427
Thu nhập chịu thuế	144.037.916.994	38.730.016.016
Thuế suất	10%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	14.403.791.699	3.873.001.602
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(7.201.895.850)	(1.936.500.801)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.201.895.850	1.936.500.801

Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Hủa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013, đối với hoạt động kinh doanh điện, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động tính trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2013) và giảm 50% cho chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2017). Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc điều chỉnh (nếu có) sẽ được Công ty thực hiện khi có kết quả kiểm tra chính thức của cơ quan thuế có thẩm quyền.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	131.373.156.894	33.529.535.788
Trừ: quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(4.285.460.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	131.373.156.894	29.244.075.788
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	235.232.210	235.232.210
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	558	124

(i) Quỹ khen thưởng, phúc lợi giảm trừ vào lợi nhuận năm 2020 để tính lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 căn cứ theo Nghị quyết số 15/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty chưa xác định số tiền sẽ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021, do đó chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2021 có thể sẽ thay đổi nếu Công ty có quyết định về việc trích quỹ này trong tương lai.

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty đã ký kết Hợp đồng thuê đất số 134/HĐ-ĐĐ ngày 09/09/2011 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An về việc thuê 809.930 m² đất tại xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An để thực hiện xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Thời hạn thuê đất là 46 năm kể từ ngày 09/09/2011 đến ngày 26/03/2058. Theo Quyết định số 1016/QĐ-CT ngày 09/06/2014 của Cục thuế tỉnh Nghệ An về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na, Công ty được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng (từ tháng 08 năm 2011 đến hết tháng 07 năm 2013) và thời gian ưu đãi đầu tư (từ tháng 08 năm 2013 đến hết tháng 07 năm 2028).

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu của công ty mẹ
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ngoài giao dịch và số dư với các bên liên quan đã trình bày tại các Thuyết minh, Công ty có số dư vào giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

Số dư với các bên liên quan

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	354.660.367	2.937.249.394
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	-	1.169.410.909

Giao dịch với các bên liên quan

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Phí bảo lãnh		
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	1.342.339.338	1.169.410.909
Phí nhãn hiệu		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	402.344.128	725.824.634
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	3.349.830.620	4.289.640.455

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
		VND	VND
Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	904.112.324	804.847.032
Lê Hải Long	Ủy viên HĐQT	75.000.000	60.000.000
Vũ Văn Tâm	Ủy viên HĐQT	75.000.000	60.000.000
Trịnh Bảo Ngọc	Giám đốc	934.436.032	804.847.032
Nguyễn Xuân Sơn	Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc	817.791.140	735.260.172
Trần Văn Biên	Phó Giám đốc	507.345.982	752.274.487
Bùi Huy Thành	Phó Giám đốc	805.305.438	692.183.951
Đoàn Văn Trường	Phó Giám đốc	312.805.304	-
Nguyễn Trọng Thạch	Phó Giám đốc	32.997.651	-
Cộng		<u>4.464.793.872</u>	<u>3.909.412.674</u>

Thu nhập của ban kiểm soát

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban kiểm soát	853.813.635	788.183.951

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

Nghệ An, ngày 25 tháng 01 năm 2022

Người lập



Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Kế toán trưởng



Võ Trung Chính



Trịnh Bảo Ngọc

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 128 /TTr-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 16 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua kế hoạch tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-HHC-HĐQT ngày 14/9/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na về việc phê duyệt và ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-HHC-HĐQT ngày 16/2/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na, bao gồm:

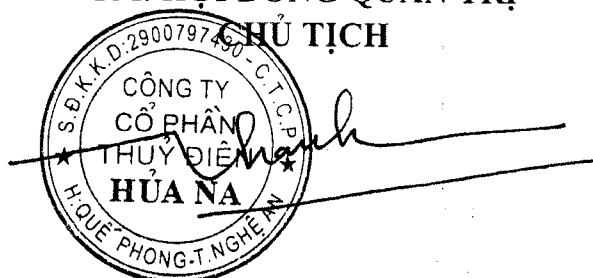
- Kế hoạch tài chính năm 2022 (Phụ lục 01 kèm theo);
- Kế hoạch trả nợ vay năm 2022 (Phụ lục 02 kèm theo).

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT/TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Thành

PHỤ LỤC 01

Kèm theo Tờ trình số **128**/TTr - HHC- HĐQT ngày **16 / 3 /2022** của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na

DVT: Tỷ đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
A	Chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022			
I	Sản lượng điện 2022	Triệu Kwh	630,83	Kế hoạch SXKD 2022
II	Doanh thu năm 2022	Tỷ đồng	680,62	Kế hoạch SXKD 2022
1	Doanh thu phát điện	Tỷ đồng	678,22	"
2	Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	2,40	"
III	Chi phí sản xuất 2022	Tỷ đồng	591,99	Kế hoạch SXKD 2022
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	Tỷ đồng	3,72	"
2	Chi phí nhân công	Tỷ đồng	43,50	"
3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	Tỷ đồng	284,68	"
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	Tỷ đồng	20,85	"
5	Chi phí thuế tài nguyên, nước mặt và môi trường rừng	Tỷ đồng	90,88	"
6	Chi phí sửa chữa TSCĐ	Tỷ đồng	55,45	"
7	Chi phí khác	Tỷ đồng	12,81	"
8	Chi phí tài chính	Tỷ đồng	80,09	"
IV	Lợi nhuận trước thuế 2021	Tỷ đồng	88,64	Kế hoạch SXKD 2022
V	Nộp Ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	163,14	Kế hoạch SXKD 2022
B	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC	Tỷ đồng	116,35	Kế hoạch SXKD 2022
1	Kế hoạch đầu tư XD CB	Tỷ đồng	55,64	"
II	Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị, hạ tầng công trình	Tỷ đồng	50,74	"
III	Kế hoạch mua sắm	Tỷ đồng	9,97	"
C	Cân đối tiền 2022			
I	Số dư tiền năm 2021 chuyển sang	Tỷ đồng	170,61	BCTC 2021
II	Dự kiến dòng tiền thu	Tỷ đồng	862,88	Dòng tiền 2022
1	Tiền thu bán điện từ EVN	Tỷ đồng	806,05	"
2	Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	2,40	"
3	Thu từ nguồn vay	Tỷ đồng	54,43	"
III	Dự kiến dòng tiền chi	Tỷ đồng	956,36	

290079
CỘNG
HỘI
HUYỆ
HÒA
HONG

1	Chi phí O&M (Lương và chi phí QLVH)	Tỷ đồng	118,98	Dòng tiền 2022
2	Chi phí trả lãi vay	Tỷ đồng	76,58	KH trả nợ vay
3	Chi phí trả nợ gốc vay	Tỷ đồng	522,09	"
4	Chi bảo lãnh, phí nhân hiệu	Tỷ đồng	5,02	Dòng tiền 2022
5	Chi đầu tư, mua sắm TSCĐ	Tỷ đồng	12,33	"
6	Chi nộp NSNN	Tỷ đồng	165,71	"
7	Chi cho Dự án Đầu tư	Tỷ đồng	55,64	"
8	Chia cổ tức	Tỷ đồng	-	Dự kiến sau năm 2022 sau khi cơ bản đã trả hết nợ vay Ngân hàng và trái phiếu thì Công ty sẽ thực hiện chia cổ tức
IV	Cân đối dòng tiền	Tỷ đồng	77,13	

7430 -
 TY
 IẢN
 ĐIỆN
 NA
 T. NGH

PHỤ LỤC 02
KẾ HOẠCH TRẢ NỢ GỐC VÀ LÃI VAY NĂM 2022

Kèm theo là trình số 48 Tr. HHC/H001 ngày 18/11/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Hòa

TT	Nội dung	Số giải ngân	Lãi suất	Gốc đã trả đến 31/12/2021	Dự nợ 01/01/2022	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng		
1	Số nợ trong tháng					31	38	31	30	31	30	31	31	30	31	30	31	36		
	HĐTD số 382/2008/HĐTDĐT-NHPT ngày 16/10/2008	2.240.000.000.000		1.898.913.771.189	341.086.228.811	17.026.620.676	16.749.996.095	21.848.370.676	21.673.745.816	21.610.704.010	31.443.745.816	31.313.620.676	41.135.370.676	40.868.745.816	40.660.037.343	40.408.745.816	31.264.974.627	356.003.678.044		
	Trả lãi					2.026.620.676	1.749.996.095	1.848.370.676	1.673.745.816	1.610.704.010	1.413.745.816	1.313.620.676	1.135.370.676	868.745.816	660.037.343	408.745.816	178.745.816		14.918.445.354	
	Trả gốc					15.000.000.000	15.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	31.086.228.811		41.086.228.811
	- Số vay lãi suất 7,5%/năm	9.470.000.000	7,5%	9.470.000.000																
	- Số vay lãi suất 6,9%/năm	1.000.150.000.000	6,9%	659.072.771.189	341.086.228.811															
	- Số vay lãi suất 14,4%/năm	509.327.174.086	9,6%	509.327.174.086																
	- Số vay lãi suất 12,0%/năm	582.406.185.190	9,0%	582.406.185.190																
	- Số vay lãi suất 11,4%/năm	67.316.447.922	11,4%	67.316.447.922																
- Số vay lãi suất 10,8%/năm	6.363.636.000	10,8%	6.363.636.000																	
- Số vay lãi suất 8,55%/năm	264.957.556.802	8,55%	264.957.556.802																	
HĐTD số 680/2011/HĐTDĐT-NHPT ngày 19/10/2011	411.000.000.000		411.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
Trả lãi																				
Trả gốc																				
- Số vay lãi suất 15,6%/năm	411.000.000.000	11,0%	411.000.000.000																	
HĐTD số 09.001.286688.TD ngày 18/8/2009 (NHOD)	328.784.000.000		182.792.106.504	145.991.893.496	0	42.473.953.288	4.067.663.063	0	2.762.218.788	169.698.249	0	41.421.403.813	4.038.402.345	0	1.582.528.824	137.839.597	96.653.707.969			
Trả lãi						3.813.953.288	200.823.783		2.762.218.788	169.698.249		2.761.403.813	3.718.633.063		1.582.528.824	137.839.597	11.600.029.409			
Trả gốc						38.660.000.000	3.866.839.280					38.660.000.000	3.866.839.280				85.033.678.560			
Số giải ngân	328.784.000.000	11,00%	182.792.106.504	145.991.893.496																
HĐTD số 12.08.005/HĐTD-HUANA ngày 05/3/2012 (NHVTB)	359.535.118.976		269.640.000.000	89.895.118.976	851.506.544	769.102.685	9.839.506.544	741.648.591	766.370.210	9.729.648.591	681.233.877	681.233.877	9.647.258.591	596.897.544	576.868.591	9.584.097.544	44.464.573.186			
Trả lãi					851.506.544	769.102.685	851.506.544	741.648.591	766.370.210	741.648.591	681.233.877	681.233.877	6.59.238.591	596.097.544	576.868.591	596.097.544	8.512.573.186			
Trả gốc							8.988.000.000			8.988.000.000			8.988.000.000				8.988.000.000			
Số giải ngân	359.535.118.976	11,00%	269.640.000.000	89.895.118.976																
HĐTD số 124.12/HĐTD/H ngày 17/12/2012 (NHAB)	280.000.000.000		140.000.000.000	60.000.000.000	0	0	0	0	0	12.835.666.667	0	0	0	0	0	12.402.222.222	25.237.888.889			
Trả lãi											2.835.666.667						2.402.222.222			
Trả gốc											10.000.000.000						10.000.000.000			
Số giải ngân	200.000.000.000	9,40%	140.000.000.000	60.000.000.000													20.000.000.000			
HĐ địa dụng số 182/16/TĐ-TT/H ngày 21/01/2016 (NHAB)	300.000.000.000		115.015.440.000	184.984.560.000	28.197.282.469	0	0	0	0	0	27.191.814.458	0	0	0	0	0	55.389.096.926			
Trả lãi					8.197.282.469							7.191.814.458					15.389.096.926			
Trả gốc					20.000.000.000							20.000.000.000					20.000.000.000			
Số giải ngân	300.000.000.000	8,67%	115.015.440.000	184.984.560.000																
HĐTD số MMB202113392590/HĐTD	100.000.000.000	9,0%	0	45.569.418.642	0	0	0	0	0	0	2.033.769.396	0	0	0	0	4.536.986.301	6.570.755.698			
Trả lãi																				
Trả gốc											2.033.769.396						4.536.986.301			
Số đã giải ngân		9,0%		45.569.418.642																
Số dự kiến giải ngân																				
TZ/2022: 51.43 h. đúng					0															
Phát hành trái phiếu	150.000.000.000	9,5%	0	150.000.000.000	0	0	0	0	7.166.438.356	0	0	0	0	0	7.183.561.644	0	14.350.000.000			
Trả gốc																				
Trả lãi và các loại phí									7.166.438.356								14.350.000.000			
Số giải ngân		9,5%	0	150.000.000.000	0	0	0	0												
Tổng cộng	4.089.319.118.976		3.017.361.317.693	1.017.527.219.925	46.075.409.689	59.993.052.067	35.755.540.283	29.581.832.762	25.139.293.008	56.212.528.719	59.186.669.011	83.238.008.367	54.554.406.752	48.439.696.530	42.568.143.230	57.926.120.291	598.670.700.709			
<i>Trả nợ lãi:</i>					<i>11.075.109.689</i>	<i>6.333.052.067</i>	<i>2.900.701.003</i>	<i>9.581.832.762</i>	<i>5.139.293.008</i>	<i>7.224.528.719</i>	<i>9.186.669.011</i>	<i>4.578.008.367</i>	<i>1.699.567.472</i>	<i>8.439.696.530</i>	<i>2.568.143.230</i>	<i>7.851.891.400</i>	<i>76.578.793.338</i>			
<i>Trả nợ gốc:</i>					<i>35.000.000.000</i>	<i>53.660.000.000</i>	<i>32.854.839.280</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>48.988.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>78.660.000.000</i>	<i>52.854.839.280</i>	<i>40.000.000.000</i>	<i>40.000.000.000</i>	<i>50.074.228.811</i>	<i>522.091.907.371</i>			



Số: 129/TTr-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày 16 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và Kế hoạch năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-HHC-HĐQT ngày 16/2/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và Kế hoạch năm 2022 như sau:

1. Mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021.

DVT: VNĐ

TT	Chức vụ	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Ghi chú
I	Thù lao	216.000.000	216.000.000	
1	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000	5tr/ng/th
2	Ủy viên Ban KS	96.000.000	96.000.000	4tr/ng/th
II	Chi phí hoạt động	288.000.000	60.475.000	
1	Chi phí hội họp, ăn, nghỉ...	288.000.000	60.475.000	
	Cộng	504.000.000	276.475.000	



2. Kế hoạch chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022.

DVT: VNĐ

TT	Chức vụ	Định mức/tháng	Số tháng	Số người	Thành tiền
I	Thù lao				336.000.000
1	Thành viên HĐQT	8.000.000	12	2	192.000.000
2	Ủy viên Ban KS	6.000.000	12	2	144.000.000
II	Chi phí hoạt động				192.000.000
1	Chi phí hội họp, ăn, nghỉ...	2.000.000	12	8	192.000.000
	Tổng cộng				528.000.000



Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT/TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Thành

Số: *130* /TTr-HHC-HĐQT

Nghệ An, ngày *16* tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐ-TB&XH ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-HHC-HĐQT ngày 14/9/2018 của Hội đồng Quản trị về việc phê duyệt và ban hành Quy chế Quản lý tài chính của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-HHC-HĐQT ngày 16/2/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Lợi nhuận sau thuế của năm 2021 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na là: 131.373.156.894 đồng, lợi nhuận lũy kế đến ngày 31/12/2021 là 352.337.056.794 đồng. Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

- Trích Quỹ thưởng của người quản lý, mức trích bằng 1,5 tháng lương bình quân thực hiện, cụ thể là:

Quỹ lương thực hiện của người quản lý năm 2021 là: 5.098.464.000 đồng,

Quỹ lương bình quân 01 tháng là: 424.872.000 đồng

Quỹ thưởng của người quản lý được trích là:

424.872.000 đồng/tháng x 1,5 tháng = 637.308.000 đồng.

(Bằng chữ: Sáu trăm ba bảy triệu, ba trăm linh tám nghìn đồng).



- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động, mức trích bằng 03 tháng lương bình quân thực hiện, cụ thể là:

Quỹ lương thực hiện năm 2021 là: 27.970.732.000 đồng.

Quỹ lương bình quân 1 tháng là: 2.330.894.000 đồng.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động được trích là:

2.330.894.000 đồng/tháng x 3 tháng = 6.992.682.000 đồng.

(Bằng chữ: Sáu tỷ, chín trăm chín hai triệu, sáu trăm tám hai nghìn đồng)

- Lợi nhuận năm 2021 giữ lại chưa phân phối là: 123.743.166.894 đồng, lũy kế lợi nhuận giữ lại chưa phân phối đến 31/12/2021 là: 344.707.066.794 đồng.

- Chia cổ tức:

Năm 2021 do điều kiện thủy văn không thuận lợi và chịu sự ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên Công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặc dù kết quả sản xuất kinh doanh lũy kế đến cuối năm 2021 có lãi, nhưng thông qua việc tính toán, cân đối dòng tiền thì Công ty đang chịu áp lực rất lớn về tài chính do Doanh thu thực hiện không đủ bù đắp chi phí hoạt động sản xuất, nộp ngân sách Nhà nước và trả nợ vay các ngân hàng. Vào tháng 8 và 9 năm 2022 lũy kế dòng tiền theo tính toán bị thiếu lần lượt là 14,43 và 23,75 tỷ đồng. Mặt khác theo quy định trong tháng 4/2023 Công ty phải trả nợ gốc Trái phiếu là 150 tỷ đồng, như vậy nếu chia thêm cổ tức trong năm 2022, Công ty sẽ mất cân đối dòng tiền rất trầm trọng. Nhằm tháo gỡ khó khăn, bảo đảm khả năng trả nợ vay và sản xuất kinh doanh có hiệu quả, Hội đồng quản trị công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông chấp thuận chưa chia cổ tức cho các cổ đông trong kỳ Đại hội đồng cổ đông năm 2022 (Bảng cân đối dòng tiền kèm theo).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

Trân trọng!

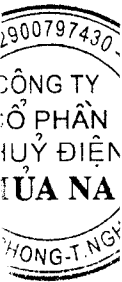
Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT/TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Thành



BẢNG CÂN ĐỐI DÒNG TIỀN HƯA NA NĂM 2022

Kèm theo Tờ trình số 130/Tr- HHC-HDQT ngày 16/3/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tổng cộng
I	SỐ DƯ TIỀN ĐẦU KỲ	170.609	163.568	157.906	148.167	144.788	138.689	96.503	43.137	(14.432)	(23.754)	11.531	66.654	
II	Dòng tiền thu trong năm	74.416	72.748	45.471	43.408	37.924	34.979	89.178	58.474	81.706	112.467	118.549	93.562	862.882
1	Thu từ hoạt động SXKD	74.216	72.548	45.271	43.208	37.724	34.779	34.547	58.274	81.506	112.267	118.349	93.362	806.051
I.1	Doanh thu bán điện (chưa VAT)	41.155	39.280	34.295	31.617	31.406	52.976	74.096	102.061	107.590	84.874	40.380	38.491	678.222
1.1.1	Sản lượng thực tế (tr.kWh)	36.81	34.71	30.25	28.17	28.07	46.48	69.83	100.21	105.24	80.61	36.41	34.03	630.8
1.1.2	Sản lượng Qc (tr.kWh)	30.25	33.35	30.88	25.46	17.02	42.54	42.94	62.65	72.54	59.22	30.46	29.24	476.6
1.1.3	Tổng giá hợp đồng (d/kWh)	1.098	1.098	1.098	1.100	1.100	1.100	1.100	1.100	1.100	1.100	1.100	1.100	1.099.7
	Giá hợp đồng PPA (d/kWh)	969.00	969.00	969.00	970.99	970.99	970.99	970.99	970.99	970.99	970.99	970.99	970.99	970.5
	Thuế tài nguyên nước (d/kWh)	93.22	93.22	93.22	93.22	93.22	93.22	93.22	93.22	93.22	93.22	93.22	93.22	93.2
	Phí môi trường rừng (d/kWh)	36.00	36,00	36,00	36,00	36,00	36,00	36,00	36,00	36,00	36,00	36,00	36,00	36,0
	Phí quyền khai thác nước mặt (Triệu đồng)	9.365	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.365
1.1.4	Giá thị trường (d/kWh)	1.126,31	1.188.66	1.263.04	1.286,14	1.305,01	1.318.82	860.97	670,52	856.01	870.89	964.43	967.11	1.056
1.2	Thuế VAT	4.116	3.928	3.429	3.162	3.141	5.298	7.410	10.206	10.759	8.487	4.038	3.849	67.822
2	Thu từ hoạt động tài chính	200	200	200	200	200	200	54.631	200	200	200	200	200	56.831
2.1	Lãi TKTG	200	200	200	200	200	200	200	200	200	200	200	200	2.400
2.2	Vay vốn lưu động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Vay bổ sung DADT	-	-	-	-	-	-	54.431	-	-	-	-	-	54.431
2.3	Phát hành trái phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III	Dòng tiền chi trong năm	81.457	78.410	55.210	46.787	44.023	77.165	142.544	116.043	91.028	77.181	63.427	83.081	956.356
1	Chi cho hoạt động SXKD	35.382	18.417	19.454	17.205	18.884	20.953	28.926	32.805	36.474	28.742	20.859	20.597	298.697
1.1	Chi phí tiền lương và trích nộp theo lương	3.625	3.625	3.625	3.625	3.625	3.625	3.625	3.625	3.625	3.625	3.625	3.625	43.504
1.2	Chi phí sửa chữa bảo dưỡng Nhà máy	1.926	1.926	1.926	1.926	1.926	1.926	1.926	1.926	1.926	1.926	1.926	1.926	23.115
1.3	Chi phí O&M khác	4.097	4.097	4.097	4.097	4.097	4.097	4.097	4.097	4.097	4.097	4.097	4.097	49.167
1.4	Chi phí bảo hiểm công trình	959	-	-	1.279	-	-	640	-	-	320	-	-	3.198
1.5	Đầu tư, mua sắm TSCĐ	-	-	2.467	-	2.467	-	2.467	-	2.467	-	2.467	-	12.333
1.6	Chi các loại thuế, phí	24.773	8.413	7.339	6.277	6.768	11.304	16.171	23.156	24.358	18.773	8.743	9.635	165.710
1.6.1	Thuế tài nguyên nước	3.432	3.236	2.820	2.626	2.617	4.333	6.510	9.342	9.811	7.515	3.394	3.172	58.807
1.6.2	Phí môi trường rừng	1.325	1.250	1.089	1.014	1.011	1.673	2.514	3.608	3.789	2.902	1.311	1.225	22.710
1.6.3	Phí quyền khai thác nước mặt	9.365	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.365
1.6.4	Thuế VAT (sau khấu trừ)	3.722	3.928	3.429	2.638	3.140	5.298	7.147	10.206	10.759	8.356	4.038	3.849	66.511
1.6.5	Thuế TNDN	6.929	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.388	8.317
1.7	Phí nhân hiệu TĐ	-	355	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.314	1.668
2	Chi cho hoạt động tài chính	46.075	59.993	35.756	29.582	25.139	56.213	59.187	83.238	54.554	48.440	42.568	61.275	602.019
2.1	Trả gốc và lãi vay dài hạn	46.075	59.993	35.756	29.582	25.139	56.213	59.187	83.238	54.554	48.440	42.568	57.926	598.671
2.1.1	Trả gốc vay dài hạn	35.000	53.660	32.855	20.000	20.000	48.988	50.000	78.660	52.855	40.000	40.000	50.074	522.092
2.1.2	Trả lãi vay dài hạn	11.075	6.333	2.901	9.582	5.139	7.225	9.187	4.578	1.700	8.440	2.568	7.852	76.579
2.2	Trả gốc và lãi vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2.1	Trả gốc vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2.2	Trả lãi vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Phí bảo lãnh các Hợp đồng tín dụng	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.348	3.348
3	Chi cho hoạt động dự án	0	0	0	0	0	0	54.431	0	0	0	0	1.209	55.640
IV	Dòng tiền thuần trong năm	(7.041)	(5.662)	(9.739)	(3.379)	(6.099)	(42.186)	(53.366)	(57.569)	(9.322)	35.286	55.123	10.481	(93.474)
V	Lũy kế dòng tiền	163.568	157.906	148.167	144.788	138.689	96.503	43.137	(14.432)	(23.754)	11.531	66.654	77.135	77.135





TỔNG CÔNG TY
LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **03** /TTr-HHC-BKS

Nghệ An, ngày **14** tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật kiểm toán độc lập;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na;

Nhằm thực hiện việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 theo đúng quy định, bảo đảm chất lượng, có tính cạnh tranh. Ban kiểm soát Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông lựa chọn Công ty thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp nhận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;

- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, uy tín, có trình độ, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán;

- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Đề xuất đơn vị kiểm toán:

Trên cơ sở Công ty TNHH Kiểm toán An Việt kiểm toán Báo cáo tài chính cho các năm 2020 và 2021. Ban kiểm soát nhận thấy Công ty TNHH Kiểm toán An Việt đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ với giá cả cạnh tranh. Vì vậy, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua đơn vị kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022, Cụ thể:



- Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

- Chi phí kiểm toán: 160.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*)

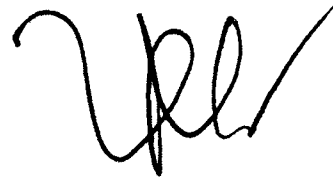
Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách nêu trên, và ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt Công ty TNHH Kiểm toán An Việt thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT Cty;
- Lưu: BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trần Thị Thu Hà





CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông

Tên Cổ đông:

Số thứ tự cổ đông:

Số cổ phần sở hữu:

Cổ phần

TT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 của Hội đồng quản trị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2021, kế hoạch hoạt động năm 2022	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Tờ trình Thông qua kế hoạch tài chính năm 2022	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Tờ trình Thông qua mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2021 và Kế hoạch năm 2022	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Tờ trình Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	Tờ trình Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Lưu ý:

- Quý cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" vào một trong ba ô: "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý" hoặc "Không ý kiến" lần lượt từng nội dung biểu quyết.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022

CÓ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na ngày 08/4/2022.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na tổ chức vào ngày 08/4/2022 thống nhất thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 của Hội đồng quản trị. Yêu cầu Công ty thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện quản lý tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành các nhiệm vụ chỉ tiêu năm 2022.

- Nghiêm túc triển khai thực hiện chỉ tiêu tiết kiệm, tiết giảm chi phí năm 2022, thực hiện các giải pháp cân đối dòng tiền, ưu tiên việc phân chia cổ tức để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

- Tập trung cao độ, phối hợp với chính quyền địa phương để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án, đặc biệt là công tác giao đất và bồi thường chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp. Phân đấu hoàn thành trong năm 2022 để sớm ổn định cuộc sống cho nhân dân tái định cư và quyết toán toàn bộ dự án.

2. Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na, với nội dung chính như sau:

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ hoàn thành %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/4)
1	Sản lượng điện	Tr.kw.h	625,20	563,31	90%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	685,49	695,83	102%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	616,74	557,25	90%
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	68,75	138,58	202%
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	161,90	162,92	101%
6	Giá điện bình quân (trước các thuế phí)	đ/kWh	948,39	1.081,03	114%
7	Giá thành	đ/kWh	986,47	989,25	100%

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022
1	Sản lượng điện thương mại	Triệu kWh	630,83
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	680,622
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	591,987
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	88,634
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	84,203
6	Đào tạo (164 lượt người)	Tỷ đồng	1,095
7	Giá thành	Đồng/kWh	938,43
8	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	163,136
9	Lao động	Người	117
10	Quỹ tiền lương (tạm tính)	Tỷ đồng	43,504

3. Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát năm 2021 và kế hoạch kiểm soát năm 2022 của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na.

4. Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

5. Kế hoạch tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na.

6. Mức chi trả thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2021, kế hoạch năm 2022:

a. Chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2021 như sau:

- Thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 120.000.000 đồng/năm (gồm 02 thành viên kiêm nhiệm, mức thù lao 5.000.000 đồng/người/tháng);

- Thành viên Ban kiểm soát: 96.000.000 đồng/năm (gồm 02 thành viên kiêm nhiệm, mức thù lao 4.000.000 đồng/người/tháng);

- Chi phí hoạt động (hội họp ...): 276.475.000 đồng/năm.

b. Kế hoạch chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2022 như sau:

- Thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 8.000.000 đồng/người/tháng;

- Thành viên BKS kiêm nhiệm: 6.000.000 đồng/người/tháng;

- Chi phí hoạt động (hội họp ...): 192.000.000 đồng.

7. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021.

Lợi nhuận sau thuế của năm 2021 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na là: 131.373.156.894 đồng, lợi nhuận lũy kế đến ngày 31/12/2021 là 352.337.056.794 đồng, phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng Người quản lý là: 637.308.000 đồng (mức trích 1,5 tháng lương bình quân thực hiện năm 2021).

- Trích Quỹ khen thưởng - phúc lợi Người lao động là: 6.992.682.000 đồng (mức trích 03 tháng lương bình quân thực hiện năm 2021).

- Lợi nhuận năm 2021 giữ lại chưa phân phối là: 123.743.166.894 đồng, lũy kế lợi nhuận giữ lại chưa phân phối là: 344.707.066.794 đồng.

8. Đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 của Công ty là: Công ty TNHH Kiểm toán An Việt. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt Công ty TNHH Kiểm toán An Việt thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na.

Điều 3: Giao Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ tổ chức & hoạt động của Công ty.

Nơi nhận:

- Các Cổ đông (đề b/c);
- Các thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban GD Công ty;
- Lưu VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hoàng Xuân Thành